

## HỒ SƠ YÊU CẦU MUA SẮM HÀNG HÓA

Tên gói thầu:	Gói thầu: Mua vật tư, phụ tùng, hàng hoá các loại phục vụ sản xuất (GT26)
Kế hoạch mua sắm/dự toán mua sắm:	Mua vật tư, phụ tùng, hàng hoá các loại phục vụ sản xuất
Phát hành ngày:	15.../...12.../2025
Ban hành kèm theo Quyết định:	Số 2634/QĐ-CTCP397 ngày 15 tháng 12 năm 2025

BÊN MỜI THẦU  
GIÁM ĐỐC



Kiều Văn Sinh

# **HỒ SƠ YÊU CẦU MUA SẴM HÀNG HÓA**

(Ban hành kèm theo Quy định số 1313/QyĐ -CTCP397 ngày 01/7/2024  
của Công ty cổ phần 397)

## TỪ NGỮ VIẾT TẮT

ĐKC	Điều kiện chung của hợp đồng
ĐKCT	Điều kiện cụ thể của hợp đồng
HSĐX	Hồ sơ đề xuất
HSYC	Hồ sơ yêu cầu
Quy định mua sắm thường xuyên	Quy định Về việc lựa chọn nhà thầu cung cấp hàng hóa, dịch vụ tư vấn, dịch vụ phi tư vấn để bảo đảm tính liên tục cho hoạt động sản xuất, kinh doanh và mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên sử dụng nguồn vốn sản xuất kinh doanh của Công ty cổ phần 397 ban hành kèm theo Quy định số 1313/QyĐ-CTCP397 ngày 01/7/2024 của Giám đốc công ty cổ phần 397; Quyết định số 2229/QĐ-CTCP397 ngày 01/11/2024 của Giám đốc Công ty Cổ phần 397 về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều tại Quy định số 1313/QyĐ-CTCP397 ngày 01/7/2024.
VND	Đồng Việt Nam

# **Phần 1. THỦ TỤC CHỈ ĐỊNH THẦU**

## **Chương I. CHỈ DẪN NHÀ THẦU**

### **Mục 1. Phạm vi gói thầu**

1. Bên mời thầu: Công ty cổ phần 397 mời nhà thầu nhận HSYC Gói thầu: Mua vật tư, phụ tùng, hàng hoá các loại phục vụ sản xuất (GT26) thuộc kế hoạch Mua vật tư, phụ tùng, hàng hoá các loại phục vụ sản xuất.

2. Nguồn vốn để thực hiện gói thầu: Chi phí sản xuất kinh doanh năm 2025 của Công ty cổ phần 397.

3. Thời gian thực hiện gói thầu là: 15 ngày.

### **Mục 2. Hành vi bị cấm trong đấu thầu**

Hành vi bị cấm trong đấu thầu là hành vi quy định tại Điều 13 Quy định mua sắm thường xuyên.

### **Mục 3. Tư cách hợp lệ của nhà thầu**

Nhà thầu được coi là có tư cách hợp lệ khi đáp ứng đủ các điều kiện quy định tại Điều 4 Quy định mua sắm thường xuyên.

### **Mục 4. Làm rõ, sửa đổi HSYC**

1. Trường hợp nhà thầu cần làm rõ HSYC thì gửi văn bản đến bên mời thầu trước ngày có thời điểm đóng thầu. Nội dung làm rõ HSYC được thể hiện bằng văn bản.

2. Trường hợp sửa đổi HSYC, bên mời thầu có trách nhiệm gửi quyết định sửa đổi và các nội dung sửa đổi tới nhà thầu. Thời gian gửi văn bản sửa đổi HSYC đến nhà thầu là: Tối thiểu 03 ngày làm việc trước ngày có thời điểm đóng thầu.

### **Mục 5. Chi phí, đồng tiền, ngôn ngữ khi dự thầu**

1. Nhà thầu phải chịu mọi chi phí liên quan đến quá trình tham dự thầu.

2. Đồng tiền tham dự thầu và đồng tiền thanh toán là VND.

3. Tất cả văn bản, tài liệu trao đổi giữa bên mời thầu và nhà thầu liên quan đến việc tham dự thầu phải được viết bằng tiếng Việt. Các tài liệu và tư liệu bổ trợ trong HSDX có thể được viết bằng ngôn ngữ khác, đồng thời kèm theo bản dịch sang tiếng Việt. Trường hợp thiếu bản dịch, nếu cần thiết, bên mời thầu có thể yêu cầu nhà thầu gửi bổ sung.

### **Mục 6. Thành phần của HSDX**

Nhà thầu phải nghiên cứu mọi thông tin chỉ dẫn, biểu mẫu, thuật ngữ, thông số, yêu cầu kỹ thuật, yêu cầu về phạm vi cung cấp và các yêu cầu khác trong HSYC để chuẩn bị HSDX của mình gồm tất cả thông tin, tài liệu theo quy định

của HSYC, bao gồm:

1. Đơn đề xuất chỉ định thầu theo Mẫu số 01 Chương III;
2. Thỏa thuận liên danh nếu là nhà thầu liên danh theo Mẫu số 03 Chương III;
3. Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu của nhà thầu, của người ký đơn đề xuất chỉ định thầu;
4. Tài liệu chứng minh sự phù hợp của hàng hóa và dịch vụ liên quan theo quy định tại Mục 8 Chương này;
5. Đề xuất về giá theo Mẫu số 04, 04.1, 04.2 Chương III;
6. Các nội dung khác: Giấy phép đăng ký kinh doanh bản photo công chứng.

#### **Mục 7. Giá dự thầu**

1. Giá dự thầu do nhà thầu ghi trong đơn đề xuất chỉ định thầu bao gồm toàn bộ các chi phí (chưa tính giảm giá) để thực hiện gói thầu theo yêu cầu của HSYC, kể cả các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có) áp theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu.

2. Nhà thầu chào giá: Theo Mẫu số 04.1a Chương III.

3. Nhà thầu phải nộp HSDX cho toàn bộ công việc được mô tả tại Chương IV và chào giá cho tất cả các công việc nêu trong bảng giá tương ứng quy định tại theo Mẫu số 04, 04.1, 04.2 Chương III, bao gồm cả đơn giá (nếu có), thành tiền.

#### **Mục 8. Tài liệu chứng minh sự phù hợp của hàng hóa, dịch vụ liên quan**

1. Tất cả vật tư, thiết bị và dịch vụ liên quan được cung cấp theo hợp đồng phải có xuất xứ rõ ràng, hợp pháp. Nhà thầu phải tuân thủ theo ký, mã hiệu, nhãn mác (nếu có) và xuất xứ của vật tư, thiết bị nêu trong HSYC. Để chứng minh tính hợp lệ của hàng hóa, dịch vụ liên quan, bên mời thầu có thể yêu cầu nhà thầu cung cấp bằng chứng về xuất xứ của các vật tư, thiết bị bao gồm các tài liệu sau: Biên bản giao nhận hàng hóa, giấy chứng nhận CO/CQ (đối với hàng nhập khẩu có bản dịch Tiếng Việt kèm theo), giấy chứng nhận xuất xưởng (đối với hàng Việt Nam) của hàng hóa hoặc nhà thầu có cam kết chất lượng, xuất xứ, hàng hoá, vật tư với mặt hàng tiêu dùng dưới 5 triệu đối với hàng Việt Nam.

2. Để chứng minh sự phù hợp của hàng hóa và dịch vụ liên quan so với yêu cầu của HSYC, nhà thầu phải cung cấp các tài liệu là một phần của HSDX chứng minh rằng hàng hóa đáp ứng thông số và tiêu chuẩn kỹ thuật quy định tại Chương IV.

3. Tài liệu chứng minh sự phù hợp của hàng hóa và dịch vụ liên quan có thể là hồ sơ, giấy tờ, bản vẽ, số liệu được mô tả chi tiết theo từng khoản mục về đặc tính kỹ thuật và tính năng sử dụng cơ bản của hàng hóa và dịch vụ liên quan, qua đó chứng minh sự đáp ứng cơ bản của hàng hóa và dịch vụ đối với thông số kỹ thuật và

một bảng kê những điểm sai khác và ngoại lệ (nếu có) so với quy định tại Chương IV.

4. Nhà thầu phải cung cấp đầy đủ danh mục, giá cả phụ tùng thay thế, dụng cụ chuyên dụng... cần thiết để bảo đảm sự vận hành đúng quy cách và liên tục của hàng hóa trong thời hạn 01 tháng sau khi hàng hóa bắt đầu được đưa vào sử dụng.

#### **Mục 9. Hiệu lực của HSDX**

1. Thời gian có hiệu lực của HSDX phải bảo đảm theo yêu cầu là: 30 ngày kể từ ngày hết hạn nộp HSDX.

2. Trong trường hợp cần thiết, trước khi hết thời hạn hiệu lực của HSDX, bên mời thầu có thể đề nghị nhà thầu gia hạn hiệu lực của HSDX. Việc đề nghị gia hạn và chấp thuận gia hạn phải được thể hiện bằng văn bản.

#### **Mục 10. Quy cách và chữ ký trong HSDX**

1. Nhà thầu phải chuẩn bị 01 bản gốc và 01 bản chụp HSDX, ghi rõ "bản gốc HSDX" và "bản chụp HSDX" tương ứng. Nhà thầu cần ghi rõ tên gói thầu, tên nhà thầu, tên bên mời thầu bên ngoài túi đựng HSDX. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về tính chính xác và phù hợp giữa bản chụp và bản gốc. Trường hợp có sự sai khác giữa bản gốc và bản chụp thì căn cứ vào bản gốc để đánh giá.

2. Tất cả các thành phần nêu tại Mục 6 Chương I phải được đại diện hợp pháp của nhà thầu ký, đóng dấu. Trường hợp là nhà thầu liên danh thì HSDX phải có chữ ký của đại diện hợp pháp của tất cả thành viên liên danh hoặc thành viên đại diện nhà thầu liên danh theo phân công trong thuận liên danh.

3. Những chữ được ghi thêm, ghi chèn vào giữa các dòng, những chữ bị tẩy xóa hoặc viết đè lên phải bao gồm chữ ký ở bên cạnh hoặc tại trang đó của người ký đơn đề xuất chỉ định thầu.

#### **Mục 11. Thời điểm đóng thầu và mở thầu**

1. HSDX do nhà thầu nộp trực tiếp hoặc gửi đến địa chỉ của bên mời thầu nhưng phải đảm bảo bên mời thầu nhận được trước thời điểm đóng thầu: 09 giờ 00 phút, ngày 22 tháng 12 năm 2025.

##### **2. Mở thầu:**

Bên mời thầu tiến hành mở thầu công khai và bắt đầu ngay trong thời hạn 02 giờ kể từ thời điểm đóng thầu. Bên mời thầu chỉ mở các HSDX nhận được trước thời điểm đóng thầu theo yêu cầu của HSYC trước sự chứng kiến của đại diện các nhà thầu tham dự lễ mở thầu, không phụ thuộc vào sự có mặt hay vắng mặt của các nhà thầu. Việc mở thầu được thực hiện đối với từng HSDX theo thứ tự chữ cái tên của nhà thầu và theo trình tự:

a) Kiểm tra niêm phong;

b) Mở hồ sơ và đọc rõ các thông tin về tên nhà thầu:

- Tham dự độc lập hay liên danh;
- Số lượng bản gốc, bản chụp;
- Giá dự thầu ghi trong đơn dự thầu;
- Giá trị giảm giá (nếu có);
- Thời gian có hiệu lực của HSDX;
- Thời gian thực hiện gói thầu;
- Các thông tin khác liên quan.

Biên bản mở thầu bao gồm các thông tin quy định tại điểm a và điểm b khoản này. Biên bản mở thầu phải được ký xác nhận bởi đại diện của bên mời thầu và các nhà thầu tham dự lễ mở thầu. Biên bản này phải được gửi cho các nhà thầu nộp HSDX. Đại diện của bên mời thầu phải ký xác nhận vào bản gốc đơn dự thầu, thư giảm giá (nếu có), giấy ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu (nếu có), thỏa thuận liên danh (nếu có), các nội dung đề xuất về tài chính và các nội dung quan trọng khác của từng HSDX.

#### **Mục 12. Nhà thầu phụ**

1. Trường hợp nhà thầu cần sử dụng thầu phụ thì phải kê khai danh sách thầu phụ theo Mẫu số 10b Chương III. Việc sử dụng nhà thầu phụ sẽ không làm thay đổi các trách nhiệm của nhà thầu. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về khối lượng, chất lượng, tiến độ và các trách nhiệm khác đối với phần công việc do nhà thầu phụ thực hiện. Việc thay thế, bổ sung nhà thầu phụ ngoài danh sách nhà thầu phụ đã kê khai chỉ được thực hiện khi có lý do xác đáng, hợp lý và được đơn vị mua sắm chấp thuận.

2. Nhà thầu phụ: Không áp dụng.

#### **Mục 13. Đánh giá HSDX và thương thảo về các đề xuất của nhà thầu**

1. Việc đánh giá HSDX được thực hiện theo quy định tại Chương II.

2. Trong quá trình đánh giá, bên mời thầu mời nhà thầu đến thương thảo (nếu có), làm rõ hoặc sửa đổi, bổ sung nội dung HSDX để chứng minh việc đáp ứng yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm, tiến độ, khối lượng, chất lượng, giải pháp kỹ thuật và biện pháp tổ chức thực hiện gói thầu. Việc thương thảo hợp đồng còn bao gồm đàm phán các nội dung cần thiết về đề xuất tài chính của nhà thầu, kể cả việc sửa lỗi và hiệu chỉnh sai lệch (nếu có).

#### **Mục 14. Điều kiện đối với nhà thầu được đề nghị trúng thầu**

Nhà thầu được đề nghị trúng thầu khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau đây:

1. Có HSDX hợp lệ;
2. Có năng lực, kinh nghiệm và đề xuất kỹ thuật đáp ứng yêu cầu của HSYC;

3. Có giá trị phần sai lệch thiếu không quá 10% giá dự thầu

4. Có giá đề nghị trúng thầu (giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch và trừ đi giá trị giảm giá) không vượt giá gói thầu được duyệt.

### **Mục 15. Thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu**

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày kết quả lựa chọn nhà thầu được phê duyệt, đơn vị mua sắm đăng tải thông tin về kết quả lựa chọn nhà thầu lên trang thông tin điện tử của Công ty cổ phần 397, đồng thời gửi văn bản thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu kèm theo dự thảo hợp đồng và kế hoạch hoàn thiện hợp đồng đến nhà thầu trúng thầu.

### **Điều 16. Điều kiện ký kết hợp đồng**

1. Tại thời điểm ký kết, HSDX của nhà thầu được lựa chọn còn hiệu lực.

2. Tại thời điểm ký kết, nhà thầu được lựa chọn phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về năng lực kỹ thuật, tài chính để thực hiện gói thầu theo yêu cầu của hồ sơ yêu cầu.

3. Đơn vị mua sắm phải bảo đảm các điều kiện về vốn tạm ứng, vốn thanh toán, mặt bằng thực hiện và điều kiện cần thiết khác để triển khai thực hiện gói thầu theo đúng tiến độ.

### **Mục 17. Bảo đảm thực hiện hợp đồng**

1. Trước khi hợp đồng có hiệu lực, nhà thầu trúng thầu phải cung cấp một bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định của HSYC. Trường hợp nhà thầu sử dụng thư bảo lãnh thực hiện hợp đồng thì phải sử dụng Mẫu thư bảo lãnh quy định tại HSYC này hoặc một mẫu khác được đơn vị mua sắm chấp thuận.

2. Nhà thầu không được hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng trong trường hợp sau đây:

a) Từ chối thực hiện hợp đồng khi hợp đồng có hiệu lực;

b) Vi phạm thỏa thuận trong hợp đồng;

c) Thực hiện hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của nhà thầu nhưng từ chối gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng.

### **Mục 18. Giải quyết kiến nghị**

1. Khi thấy quyền và lợi ích hợp pháp bị ảnh hưởng, nhà thầu được kiến nghị người có thẩm quyền, đơn vị mua sắm xem xét lại các vấn đề trong quá trình lựa chọn nhà thầu, kết quả lựa chọn nhà thầu trên cơ sở tuân thủ quy định mua sắm thường xuyên.

2. Địa chỉ nhận đơn kiến nghị:

a) Người có thẩm quyền: Ông Kiều Văn Sinh - Giám đốc Công ty cổ phần 397.

b) Địa chỉ nhận đơn kiến nghị của đơn vị mua sắm: Khu Yên Lãng 1, phường Mạo Khê, tỉnh Quảng Ninh.

c) Địa chỉ nhận đơn kiến nghị của người có thẩm quyền: Khu Yên Lãng 1, phường Mạo Khê, tỉnh Quảng Ninh.

d) Địa chỉ bộ phận thường trực giúp việc: Tổ chuyên gia Công ty cổ phần 397, Địa chỉ: Khu Yên Lãng 1, Phường Mạo Khê, tỉnh Quảng Ninh.

**Mục 19. Giám sát quá trình lựa chọn nhà thầu**

Không áp dụng.

## **Chương II. TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ HSDX**

### **Mục 1. Kiểm tra và đánh giá tính hợp lệ của HSDX**

#### **1.1. Kiểm tra HSDX**

- a) Kiểm tra số lượng bản chụp HSDX;
- b) Kiểm tra các thành phần của HSDX theo quy định tại Mục 6 Chương I;
- c) Kiểm tra sự thống nhất nội dung giữa bản gốc và bản chụp để phục vụ quá trình đánh giá chi tiết HSDX.

#### **1.2. Đánh giá tính hợp lệ của HSDX**

HSDX của nhà thầu được đánh giá là hợp lệ khi đáp ứng đầy đủ các nội dung sau đây:

- a) Có bản gốc HSDX;
- b) Có đơn đề xuất chỉ định thầu được đại diện hợp pháp của nhà thầu ký tên, đóng dấu (nếu có) theo yêu cầu của HSYC; thời gian ký đơn dự thầu phải sau thời điểm phát hành HSYC; không đề xuất các giá dự thầu khác nhau hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho đơn vị mua sắm. Đối với nhà thầu liên danh, đơn dự thầu phải do đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có) hoặc thành viên được phân công thay mặt liên danh ký đơn dự thầu theo phân công trách nhiệm trong thỏa thuận liên danh;
- c) Hiệu lực của HSDX đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Mục 9 Chương I;
- d) Có thỏa thuận liên danh (trong trường hợp liên danh) được đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có); thỏa thuận liên danh phải nêu rõ nội dung công việc cụ thể và ước tính giá trị tương ứng mà từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện. Việc phân chia công việc trong liên danh phải căn cứ các hạng mục nêu trong bảng giá dự thầu hoặc theo các công việc thuộc quá trình sản xuất hạng mục trong bảng giá dự thầu, không được phân chia các công việc không thuộc các hạng mục này hoặc không thuộc quá trình sản xuất các hạng mục này (Mẫu số 04, 04.1, 04.2 Chương III);
- đ) Nhà thầu bảo đảm tư cách hợp lệ theo quy định tại Mục 3 Chương I.
- e) Trong thời hạn 03 năm trước thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có nhân sự (ký kết hợp đồng lao động với nhà thầu tại thời điểm nhân sự thực hiện hành vi vi phạm) bị Tòa án kết án có hành vi vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng theo quy định của pháp luật về hình sự nhằm mục đích cho nhà thầu đó trúng thầu.

## **Mục 2. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực, kinh nghiệm**

### **2.1. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực, kinh nghiệm**

Tiêu chuẩn đánh giá năng lực và kinh nghiệm thực hiện theo quy định tại Bảng số 01 (đối với nhà thầu không phải là nhà sản xuất ra hàng hóa thuộc phạm vi của gói thầu) hoặc Bảng số 02 (đối với nhà thầu là nhà sản xuất ra hàng hóa thuộc phạm vi của gói thầu), nhà thầu được đánh giá là đạt về năng lực và kinh nghiệm khi đáp ứng tất cả các tiêu chuẩn đánh giá. Năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu phụ sẽ không được xem xét khi đánh giá HSDX của nhà thầu. Bản thân nhà thầu phải đáp ứng các tiêu chí đánh giá về năng lực và kinh nghiệm.

Trường hợp đồng tiền nêu trong các hợp đồng tương tự hoặc xác nhận thanh toán của đơn vị mua sắm đối với những hợp đồng cung cấp hàng hóa đã thực hiện hoặc tờ khai nộp thuế hoặc các tài liệu liên quan chứng minh năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu không phải VND thì khi lập HSDX, nhà thầu phải quy đổi về VND để làm cơ sở đánh giá HSDX. Việc quy đổi được áp dụng tỷ giá quy đổi của Ngân hàng Thương mại cổ phần Công thương Việt Nam tại ngày ký hợp đồng tương tự đó.

Trường hợp nhà thầu là công ty mẹ (ví dụ như Tổng công ty) có huy động công ty con thực hiện một phần công việc của gói thầu thì nhà thầu phải kê khai cụ thể phần công việc dành cho các công ty con theo Mẫu số 10a Chương III. Việc đánh giá kinh nghiệm thực hiện hợp đồng tương tự căn cứ vào giá trị, khối lượng công việc do công ty mẹ, công ty con đảm nhiệm trong gói thầu.

**Bảng số 01**

**BẢNG TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ VỀ NĂNG LỰC VÀ KINH NGHIỆM**

(Đối với nhà thầu không phải là nhà sản xuất<sup>(1)</sup> ra hàng hóa thuộc phạm vi của gói thầu)

Các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm		Các yêu cầu cần tuân thủ			Tài liệu cần nộp	
TT	Mô tả	Yêu cầu	Nhà thầu độc lập	Nhà thầu liên danh		
				Tổng các thành viên liên danh	Từng thành viên liên danh	
1	Lịch sử không hoàn thành hợp đồng do lỗi của nhà thầu	Từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 <sup>(2)</sup> đến thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có hợp đồng cung cấp hàng hóa, EPC, EP, PC, chia khóa trao tay không hoàn thành do lỗi của nhà thầu <sup>(3)</sup> .	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Mẫu số 08
2	Thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế, nộp thuế	Đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế, nộp thuế <sup>(4)</sup> của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu.	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Cam kết trong đơn dự thầu và cung cấp tài liệu chứng minh
3	<b>Năng lực tài chính</b>					
3.1	Kết quả hoạt động tài chính <sup>(5)</sup>	Giá trị tài sản ròng của nhà thầu trong năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu phải dương. (Giá trị tài sản ròng = Tổng tài sản - Tổng nợ)	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Mẫu số 09
3.2	Doanh thu bình quân	Doanh thu bình quân hàng năm (không bao	Phải thỏa	Phải thỏa mãn	Không áp dụng	Mẫu số 09

Các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm		Các yêu cầu cần tuân thủ			Tài liệu cần nộp
TT	Mô tả	Yêu cầu	Nhà thầu độc lập	Nhà thầu liên danh	
			Tổng các thành viên liên danh	Từng thành viên liên danh	
	<b>hàng năm (không bao gồm thuế VAT)</b>	gồm thuế VAT) của 03 <sup>(6)</sup> năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu của nhà thầu có giá trị tối thiểu là 389.337.000 <sup>(7)</sup> VND.	mãn yêu cầu này		
<b>4</b>	<b>Kinh nghiệm thực hiện hợp đồng cung cấp hàng hoá tương tự</b>	Nhà thầu đã hoàn thành tối thiểu 01 hợp đồng tương tự với tư cách là nhà thầu chính (độc lập hoặc thành viên liên danh) hoặc nhà thầu phụ <sup>(8)</sup> trong khoảng thời gian kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 <sup>(9)</sup> đến thời điểm đóng thầu. Trong đó hợp đồng tương tự là: - Có tính chất tương tự: Hợp đồng cung cấp hàng hóa thuộc cùng lĩnh vực, chủng loại <sup>(10)</sup> ; - Đã hoàn thành có quy mô (giá trị) tối thiểu: 196.454.048 VND <sup>(11)</sup> .	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu (tương đương với phần công việc đảm nhận)	Mẫu số 06a

Ghi chú:

(1) Nhà sản xuất được hiểu là doanh nghiệp/cơ sở sản xuất tự sản xuất ra hàng hóa hoặc tham gia vào quá trình sản xuất ra hàng hóa hoặc công ty con, công ty mẹ phụ trách việc phân phối, tiêu thụ sản phẩm do công ty mẹ, công ty con khác trong Tập đoàn, Tổng công ty sản xuất.

(2) Ghi thời gian yêu cầu, thông thường từ 03 năm đến 05 năm trước năm có thời điểm đóng thầu. Ví dụ: từ ngày 01 tháng 01 năm 2019 đến thời điểm đóng thầu.

(3) Hợp đồng cung cấp hàng hóa, EPC, EP, PC, chia khóa trao tay không hoàn thành do lỗi của nhà thầu bao gồm:

- Hợp đồng cung cấp hàng hóa, EPC, EP, PC, chia khóa trao tay bị Đơn vị mua sắm kết luận nhà thầu không hoàn thành và nhà thầu không phản đối;

- Hợp đồng cung cấp hàng hóa, EPC, EP, PC, chia khóa trao tay bị Đơn vị mua sắm kết luận nhà thầu không hoàn thành, không được nhà thầu chấp thuận nhưng đã được trọng tài hoặc tòa án kết luận theo hướng bất lợi cho nhà thầu.

Các hợp đồng cung cấp hàng hóa, EPC, EP, PC, chia khóa trao tay không hoàn thành không bao gồm các hợp đồng mà quyết định của Đơn vị mua sắm đã bị bác bỏ bằng cơ chế giải quyết tranh chấp. Việc xác định hợp đồng không hoàn thành phải dựa trên tất cả những thông tin về tranh chấp hoặc kiện tụng được giải quyết theo quy định của cơ chế giải quyết tranh chấp của hợp đồng tương ứng và khi mà nhà thầu đã hết tất cả các cơ hội có thể khiếu nại. Đối với các hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của nhà thầu nhưng vẫn hoàn thành hợp đồng thì không được coi là hợp đồng không hoàn thành.

Đối với nhà thầu liên danh mà chỉ có một hoặc một số thành viên danh vi phạm và bị cấm tham gia hoạt động đấu thầu thì thành viên liên danh còn lại không bị coi là không hoàn thành hợp đồng do lỗi của nhà thầu. Trường hợp một hoặc một số thành viên liên danh vi phạm hợp đồng, không còn năng lực để tiếp tục thực hiện hợp đồng, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến tiến độ, chất lượng, hiệu quả của gói thầu thì chỉ một hoặc một số thành viên liên danh vi phạm hợp đồng bị coi là không hoàn thành hợp đồng, thành viên còn lại không bị coi là không hoàn thành hợp đồng do lỗi của nhà thầu.

(4) Nhà thầu cung cấp tài liệu chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế thu nhập cá nhân đối với nhà thầu là hộ kinh doanh) của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu. Nghĩa vụ nộp thuế là nộp thuế với giá trị thuế tương ứng với thuế suất, thu nhập chịu thuế, doanh thu tính thuế nhà thầu kê khai trên Hệ thống thuế điện tử (số thuế đã nộp tương ứng với số thuế phải nộp); trường hợp được chậm nộp thuế, miễn thuế, giảm thuế theo chính sách của Nhà nước thì thực hiện theo quy định này. Nhà thầu nộp các tài liệu như sau:

- Tờ khai thuế (hoặc thông báo nộp tiền của cơ quan thuế đối với hộ kinh doanh) và Giấy nộp tiền có xác nhận của cơ quan thuế được in từ Hệ thống thuế điện tử hoặc

- Tờ khai thuế (hoặc thông báo nộp tiền của cơ quan thuế đối với hộ kinh doanh) và xác nhận của cơ quan thuế về việc thực hiện nghĩa vụ thuế.

Trường hợp thời điểm đóng thầu sau ngày kết thúc năm tài chính của nhà thầu (năm Y) và trước hoặc trong ngày cuối cùng của tháng thứ 3 tính từ ngày kết thúc năm Y, yêu cầu đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế áp dụng đối với năm tài chính trước năm Y (năm Y-1).

*(Ví dụ: Thời điểm đóng thầu là ngày 20/3/2024, năm tài chính của nhà thầu là 01/01 – 31/12 thì nhà thầu phải chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế của năm 2022).*

(5) Đối với nhà thầu là hộ kinh doanh thì không đánh giá tiêu chí này.

(6) Ghi thời gian yêu cầu, thông thường từ 03 năm trước năm có thời điểm đóng thầu. Trường hợp nhà thầu có số năm thành lập ít hơn số năm theo yêu cầu của HSYC thì doanh thu bình quân hàng năm (không bao gồm thuế VAT) được tính trên số năm mà nhà thầu thành lập. Trong trường hợp này, nếu doanh thu bình quân hàng năm (không bao gồm thuế VAT) của nhà thầu đáp ứng yêu cầu về giá trị của HSYC thì nhà thầu vẫn được đánh giá tiếp mà không bị loại.

Trường hợp thời điểm đóng thầu sau ngày kết thúc năm tài chính của nhà thầu (năm Y) và trước hoặc trong ngày cuối cùng của tháng thứ 3 tính từ ngày kết thúc năm Y, yêu cầu về nộp báo cáo tài chính áp dụng đối với các năm trước của năm Y (năm Y-1, Y-2...).

*(Ví dụ: Thời điểm đóng thầu là ngày 20/3/2024, năm tài chính của nhà thầu là 01/01 – 31/12 và HSYC yêu cầu nhà thầu nộp báo cáo tài chính của 03 năm gần nhất thì nhà thầu phải nộp báo cáo tài chính của các năm 2020, 2021, 2022).*

Đối với nhà thầu là hộ kinh doanh, không bắt buộc phải nộp báo cáo tài chính nhưng nhà thầu phải cung cấp tài liệu chứng minh doanh thu tương ứng với nghĩa vụ thuế.

*Ví dụ: Doanh thu bình quân hàng năm (không bao gồm thuế VAT) của 3 năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu. Trong trường hợp này, nếu thời điểm đóng thầu là ngày 15/11/2024 thì nhà thầu phải nộp báo cáo tài chính của các năm 2021, 2022, 2023. Nhà thầu được thành lập vào năm 2022 nhưng doanh thu trung bình của năm 2022 và năm 2023 đáp ứng yêu cầu thì nhà thầu được tiếp tục đánh giá.*

(7) Cách tính toán thông thường về mức yêu cầu doanh thu bình quân hàng năm (không bao gồm thuế VAT):

a) Trường hợp thời gian thực hiện gói thầu từ 12 tháng trở lên thì cách tính doanh thu như sau:

Yêu cầu tối thiểu về mức doanh thu bình quân hàng năm (không bao gồm thuế VAT) = [(Giá gói thầu – giá trị thuế VAT)/thời gian thực hiện gói thầu theo năm] x k. Thông thường yêu cầu hệ số “k” trong công thức này là từ 1,5 đến 2.

b) Trường hợp thời gian thực hiện gói thầu dưới 12 tháng thì cách tính doanh thu như sau:

Yêu cầu tối thiểu về mức doanh thu bình quân hàng năm (không bao gồm thuế VAT) = (Giá gói thầu – giá trị thuế VAT) x k. Thông thường yêu cầu hệ số “k” trong công thức này là 1,5.

(8) Đối với các hợp đồng mà nhà thầu đã tham gia với tư cách là thành viên liên danh hoặc nhà thầu phụ thì chỉ tính giá trị phân việc do nhà thầu thực hiện.

(9) Ghi thời gian yêu cầu, thông thường là từ 03 năm đến 05 năm trước năm có thời điểm đóng thầu. Ví dụ: từ ngày 01 tháng 01 năm 2019 đến thời điểm đóng thầu.

(10) Tương tự về tính chất: hàng hóa có tính chất tương tự là hàng hóa đáp ứng 1 trong 2 tiêu chí sau: (i) Tiêu chí 1: là hàng hóa thuộc cùng lĩnh vực, chủng loại (đơn vị mua sắm nêu lĩnh vực, chủng loại ví dụ thiết bị y tế, thiết bị điện, thiết bị văn phòng...) hoặc (ii) Tiêu chí 2: là hàng hóa có cùng mã Chương, mã Nhóm (tương ứng với 4 số đầu tiên của bộ mã) trong Hệ thống hài hòa mô tả và mã hóa hàng hóa (HS – Harmonized Commodity Description and Coding System) theo Hệ thống phân loại hàng hóa do Tổ chức Hải quan thế giới WCO phát hành (gọi chung là mã HS). Mã HS căn cứ theo Thông tư số 31/2022/TT-BTC ngày 08 tháng 6 năm 2022 của Bộ Tài chính (được Tổng Cục Hải quan đăng tải trên trang thông tin điện tử: <https://www.customs.gov.vn>). Nhà thầu cung cấp hàng hóa thuộc cùng lĩnh vực, chủng loại do HSYC yêu cầu hoặc cùng 4 số đầu tiên mã HS đều được coi là có tính chất tương tự với hàng hóa thuộc gói thầu.

*Ví dụ: hàng hóa thuộc gói thầu là máy tính xách tay có mã HS là 84.71.30.20 thì các hàng hóa có mã HS là 84.71.xx.xx được coi là có tính chất tương tự. Trường hợp hàng hóa thuộc gói thầu chưa được công bố mã HS, nhà thầu phải kê khai các hợp đồng cung cấp hàng hóa có cùng chủng loại, tính chất với hàng hóa thuộc gói thầu.*

Trong quá trình thực hiện, trường hợp Thông tư số 31/2022/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế Thông tư số 31/2022/TT-BTC).

- Trường hợp đơn vị mua sắm, bên mời thầu khó khăn trong việc xác định mã HS của hàng hóa theo Tiêu chí 2, HSYC được đưa ra quy định tương tự về lĩnh vực, chủng loại (theo Tiêu chí 1). Trong trường hợp này, nếu nhà thầu xác định được mã HS của hàng hóa theo yêu cầu của gói thầu và mã HS của hàng hóa trong hạng mục, hợp đồng đã thực hiện (nghịệm thu) cùng nhóm (tương ứng với 4 số đầu tiên của bộ mã) thì hạng mục, hợp đồng này được coi là tương tự để xem xét, đánh giá (được coi như nhà thầu đáp ứng Tiêu chí 2).

- Trường hợp gói thầu có nhiều hạng mục thì chỉ quy định mã HS cho các hạng mục chính của gói thầu.

(11) Quy mô của hợp đồng tương tự:

Trường hợp gói thầu có nhiều hạng mục hàng hóa thì phải ghi giá trị tương ứng của từng hạng mục hàng hóa để làm cơ sở đánh giá kinh nghiệm thực hiện hợp đồng cung cấp hàng hóa tương tự của nhà thầu.

Trường hợp gói thầu bao gồm nhiều loại hàng hoá khác nhau thì tùy theo tính chất, quy mô gói thầu để Bên mời thầu đưa ra yêu cầu về quy mô tương tự trên cơ sở các loại hàng hoá chính của gói thầu (phải nêu rõ các hàng hóa chính) hoặc yêu

cầu về quy mô tương tự trên cơ sở tất cả các loại hàng hoá của gói thầu, trong đó ghi quy mô yêu cầu đối với mỗi hạng mục hàng hóa chính hoặc mỗi hạng mục hàng hóa. Trường hợp mua sắm hàng hóa có số lượng, khối lượng mời thầu lớn và trong nước có dưới 03 nhà thầu đã từng thực hiện các hợp đồng tương tự có quy mô trên 70% quy mô của gói thầu đang xét thì có thể điều chỉnh giảm yêu cầu về quy mô của hợp đồng tương tự xuống còn **Y/1,4**. Trong đó, **Y** thông thường khoảng 70% giá trị của gói thầu đang xét; riêng đối với trường hợp gói thầu có một số hạng mục hàng hóa có cùng mã Chương, mã Nhóm thì việc xác định quy mô hợp đồng tương tự được xác định theo điểm (iii) và điểm (iv) ghi chú này.

Đối với gói thầu mua sắm hàng hóa có khối lượng, số lượng công việc căn cứ nhu cầu theo các năm và thời gian thực hiện gói thầu dài hơn 1 năm thì HSYC yêu cầu về giá trị của hợp đồng tương tự trong 01 chu kỳ (01 năm) mà không xác định yêu cầu theo tổng số năm.

*Ví dụ: gói thầu cung cấp vật tư X cho nhu cầu của đơn vị mua sắm trong 02 năm 2024-2025 (từ 01/01/2024 đến 31/12/2025), giá gói thầu là 100 tỷ đồng (tính cho nhu cầu trong 02 năm). Yêu cầu giá trị của hợp đồng tương tự là:  $70\% \times 100/2 = 35$  tỷ đồng.*

Việc đánh giá về quy mô của hợp đồng tương tự căn cứ vào giá trị hoàn thành, được nghiệm thu như sau:

- (i) Có ít nhất 01 hợp đồng hoàn thành cung cấp đầy đủ các loại hàng hoá tương tự có giá trị đáp ứng tối thiểu là **Y** (hoặc **Y/1,4** nếu thuộc trường hợp mua sắm hàng hóa có số lượng, khối lượng mời thầu lớn) hoặc
- (ii) Có các hạng mục hàng hóa tương tự đã thực hiện trong các hợp đồng khác nhau (hợp đồng có thể đã hoàn thành hoặc đang thực hiện, chưa nghiệm thu, thanh lý) nhưng bảo đảm giá trị của từng hạng mục hàng hóa tương tự đã thực hiện đáp ứng tối thiểu 70% giá trị của từng hạng mục hàng hóa trong gói thầu đang xét (hoặc 50% nếu thuộc trường hợp mua sắm hàng hóa có số lượng, khối lượng mời thầu lớn).

Trong đó:

+ Hạng mục hàng hóa đã thực hiện là một phần hoặc toàn bộ khối lượng hàng hóa trong hạng mục đã được nghiệm thu trong khoảng thời gian quy định mà không xét đến thời gian ký kết hợp đồng. Thời điểm xác nhận hạng mục hàng hóa đã thực hiện để xác định hạng mục hàng hóa tương tự là thời điểm nghiệm thu hàng hóa, không căn cứ vào thời điểm ký kết hợp đồng.

+ Hợp đồng hoàn thành là hợp đồng có toàn bộ hàng hóa đã được nghiệm thu hoặc hợp đồng đã được thanh lý. Thời điểm xác nhận hợp đồng hoàn thành để xác định hợp đồng tương tự là thời điểm nghiệm thu hàng hóa, không căn cứ vào thời

điểm ký kết hợp đồng.

- Trường hợp nhà thầu vừa là nhà sản xuất, vừa là nhà cung cấp (một số hàng hóa hoặc một phần khối lượng hàng hóa do nhà thầu chào trong HSDX là do nhà thầu sản xuất, một số hàng hóa khác hoặc một phần khối lượng hàng hóa do nhà thầu mua từ nhà sản xuất, cung cấp khác để cung cấp cho gói thầu), thì ngoài kê khai về kinh nghiệm thực hiện hợp đồng tương tự, nhà thầu còn phải kê khai về năng lực sản xuất theo nội dung quy định tại Mục 4 Bảng số 02 Chương này. Việc đánh giá kinh nghiệm của nhà thầu sẽ được thực hiện trên cơ sở hợp đồng cung cấp hàng hóa tương tự (tương ứng với phần hàng hóa mà nhà thầu mua từ nhà sản xuất, cung cấp khác) và năng lực sản xuất của nhà thầu (tương ứng với phần hàng hóa mà nhà thầu tự sản xuất để cung cấp cho gói thầu).

Trường hợp một số hạng mục hàng hóa trong gói thầu có cùng mã Chương, mã Nhóm (mã A) thì việc đánh giá về quy mô của hợp đồng tương tự căn cứ vào giá trị hoàn thành, được nghiệm thu như sau:

(iii) Có ít nhất 01 hợp đồng hoàn thành cung cấp đầy đủ các loại hàng hoá tương tự có giá trị đáp ứng tối thiểu là **K** (hoặc **K/1,4** nếu thuộc trường hợp mua sắm hàng hóa có số lượng, khối lượng mời thầu lớn), trong đó **K** bằng 70% tổng giá trị các hạng mục không có cùng mã Chương, mã Nhóm (không có mã A) và giá trị cao nhất của các hạng mục có cùng chung mã A (giá trị hạng mục theo giá gói thầu, dự toán được duyệt) hoặc

(iv) Có các hạng mục hàng hóa tương tự đã thực hiện trong các hợp đồng khác nhau (hợp đồng có thể đã hoàn thành hoặc đang thực hiện, chưa nghiệm thu, thanh lý) nhưng bảo đảm giá trị của từng hạng mục hàng hóa tương tự không có mã A đã thực hiện đáp ứng tối thiểu 70% giá trị của từng hạng mục hàng hóa trong gói thầu đang xét (hoặc 50% nếu thuộc trường hợp mua sắm hàng hóa có số lượng, khối lượng mời thầu lớn), đối với hạng mục hàng hóa tương tự có cùng mã A thì chỉ cần giá trị của hạng mục hàng hóa tương tự đã thực hiện đáp ứng tối thiểu 70% giá trị cao nhất của hạng mục hàng hóa cùng mã A trong gói thầu đang xét (hoặc 50% nếu thuộc trường hợp mua sắm hàng hóa có số lượng, khối lượng mời thầu lớn).

\* Ví dụ cho ghi chú số (10), (11):

- Ví dụ 1: Phạm vi cung cấp gói thầu là mua xe Ben tự đổ kèm theo 20 cái lốp xe dự phòng; giá trị dự toán gói thầu được phê duyệt là 1,8 tỷ đồng (trong đó giá trị của xe Ben là 1,64 tỷ đồng và 20 lốp dự phòng có giá trị 0,16 tỷ đồng). Như vậy, trong trường hợp này thì hàng hóa chính của gói thầu là xe Ben tự đổ và quy mô của hợp đồng tương tự được xác định bằng  $70\% \times 1,64$  tỷ đồng.

- Ví dụ 2: Phạm vi cung cấp của gói thầu đang xét gồm 50 máy điều hòa (mã HS 8415; giá dự toán 2 tỷ đồng); 20 máy tính xách tay (mã HS 8507; giá dự toán 400 triệu đồng); 20 máy in Laser (mã HS 8443; giá dự toán 100 triệu đồng), giao hàng trong thời gian 180 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực. Nhà thầu tham dự thầu là nhà thầu Liên danh A – B trong đó thành viên A là nhà sản xuất máy điều hòa đảm nhận phần công việc cung cấp máy điều hòa (80% giá trị công việc gói thầu), thành viên B là nhà thương mại đảm nhận phần công việc cung cấp máy tính xách tay và máy in của gói thầu (20% giá trị công việc gói thầu). Trong trường hợp này, nhà thầu Liên danh A – B được coi là đáp ứng yêu cầu về năng lực sản xuất và kinh nghiệm thực hiện hợp đồng nếu:

- + Thành viên A cung cấp được tài liệu chứng minh công suất thiết kế của nhà máy, dây chuyền thiết bị sản xuất máy điều hòa đạt tối thiểu 12,5 máy điều hòa/tháng (1,5 x 50 máy x 30 /180 ngày) hoặc sản lượng sản xuất máy điều hòa của 01 tháng cao nhất trong vòng 05 năm gần nhất tính đến thời điểm đóng thầu bằng hoặc lớn hơn 12,5 máy/tháng;
- + Thành viên B đã thực hiện cung cấp các mã hàng hóa 8507, 8443 trong cùng 01 hợp đồng hoặc ở 02 hợp đồng khác nhau nhưng bảo đảm giá trị mã hàng hóa 8507 trong 01 hợp đồng bằng hoặc lớn hơn 70% giá trị của hạng mục máy tính xách tay (tức là  $\geq 70\% \times 400$  triệu đồng), giá trị mã hàng hóa 8443 trong 01 hợp đồng bằng hoặc lớn hơn 70% giá trị của hạng mục máy in laser (tức là  $\geq 70\% \times 100$  triệu đồng).

- Ví dụ 3: Phạm vi cung cấp gói thầu mua sắm hàng hóa Q như sau:

STT	Danh mục hàng hóa	Mã HS	Giá trị theo dự toán (VND)
1	Hàng hóa A	9025	10.000.000.000
2	Hàng hóa B	9030	8.000.000.000
3	Hàng hóa C	9030	12.000.000.000

Trong trường hợp này, nhà thầu A tham dự gói thầu mua sắm hàng hóa Q nêu trên được coi là đáp ứng yêu cầu về kinh nghiệm thực hiện hợp đồng cung cấp hàng hóa tương tự nếu:

+ Cung cấp 01 hợp đồng có đầy đủ các mã hàng hóa 9025 và 9030 và tổng giá trị của mã hàng hóa 9025, 9030 trong hợp đồng đã hoàn thành với giá trị tối thiểu là 15,4 tỷ đồng (70% x (10 tỷ đồng + 12 tỷ đồng)) hoặc

+ Cung cấp 01 hợp đồng trong đó đã thực hiện việc cung cấp mã hàng hóa 9025 với giá trị tối thiểu 7 tỷ đồng (70% x 10 tỷ đồng) và 01 hợp đồng đã thực hiện việc cung cấp mã hàng hóa 9030 với giá trị tối thiểu 8,4 tỷ đồng [70% x 12 tỷ đồng)].”.

(12) Trường hợp không yêu cầu dịch vụ sau bán hàng thì gạch bỏ tiêu chí đánh giá này.

Trường hợp nhà thầu thiếu cam kết thì được bổ sung trong quá trình đánh giá HSDX. Trường hợp nhà thầu không bổ sung cam kết trong khoảng thời gian hợp lý theo yêu cầu của Đơn vị mua sắm, Bên mời thầu thì HSDX của nhà thầu được coi là không đáp ứng yêu cầu về khả năng bảo hành, bảo trì, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa, cung cấp phụ tùng thay thế hoặc cung cấp các dịch vụ sau bán hàng khác và bị loại.

## 2.2. Tiêu chuẩn đánh giá nhân sự chủ chốt:

### a) Yêu cầu về nhân sự chủ chốt: Không yêu cầu

### Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

Sử dụng tiêu chí đạt/không đạt để xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật. Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu mà xác định mức độ yêu cầu đối với từng nội dung. Đối với các tiêu chí đánh giá tổng quát, chỉ sử dụng tiêu chí đạt, không đạt. Đối với các tiêu chí chi tiết cơ bản trong tiêu chí tổng quát, chỉ sử dụng tiêu chí đạt, không đạt; đối với các tiêu chí chi tiết không cơ bản trong tiêu chí tổng quát, ngoài tiêu chí đạt, không đạt, được áp dụng thêm tiêu chí chấp nhận được nhưng không được vượt quá 30% tổng số các tiêu chí chi tiết trong tiêu chí tổng quát đó.

Tiêu chí tổng quát được đánh giá là đạt khi tất cả các tiêu chí chi tiết cơ bản được đánh giá là đạt và các tiêu chí chi tiết không cơ bản được đánh giá là đạt hoặc chấp nhận được.

Việc xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật dựa trên các yếu tố về khả năng đáp ứng các yêu cầu về số lượng, chất lượng, thời hạn giao hàng, vận chuyển, lắp đặt, bảo hành, cung cấp các dịch vụ sau bán hàng (nếu có), thông tin về kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu, chất lượng hàng hóa tương tự được công khai theo quy định (nếu có) và các yêu cầu khác nêu trong Chương IV. Căn cứ từng gói thầu cụ thể, khi lập HSYC phải cụ thể hóa các tiêu chí làm cơ sở để đánh giá về kỹ thuật bao gồm:

STT	Tiêu chí đánh giá	Yêu cầu	Đạt	Không đạt
1	Phạm vi cung cấp	Đầy đủ chủng loại số lượng hàng hoá như yêu cầu theo Bảng tiến độ cung cấp	Đầy đủ chủng loại số lượng hàng hoá như yêu cầu theo Bảng tiến độ cung cấp	Thiếu hoặc thừa hàng hoá so với Bảng tiến độ cung cấp hoặc hàng hoá không đúng với chủng loại với yêu cầu tại Bảng tiến độ cung cấp
2	Tiến độ cung cấp	Hàng hoá được giao thành nhiều lần, thời gian giao hàng sớm nhất trong thời gian 01 ngày hoặc muộn nhất trong thời gian 05 ngày kể từ ngày có thông báo giao hàng của chủ đầu tư	Hàng hoá được giao thành nhiều lần, thời gian giao hàng sớm nhất trong thời gian 01 ngày hoặc muộn nhất trong thời gian 05 ngày kể từ ngày có thông báo giao hàng của chủ đầu tư	Giao hàng 01 lần hoặc thời gian giao hàng > 05 ngày kể từ ngày nhận được thông báo giao hàng của chủ đầu tư

3	Xuất xứ hàng hoá	Ghi rõ xuất xứ hàng hoá (nước sản xuất hoặc vùng lãnh thổ sản xuất)	Ghi rõ xuất xứ hàng hoá (nước sản xuất hoặc vùng lãnh thổ sản xuất)	Nhà thầu không ghi rõ nước sản xuất hoặc vùng lãnh thổ sản xuất
4	Đặc tính kỹ thuật	Nhà thầu có cam kết hàng hoá phải đảm bảo các kích thước, tiêu chuẩn kỹ thuật theo chương V	Nhà thầu có cam kết hàng hoá phải đảm bảo các kích thước, tiêu chuẩn kỹ thuật theo chương V	Nhà thầu không có cam kết hàng hoá đảm bảo các kích thước, tiêu chuẩn kỹ thuật theo chương V
5	Chất lượng hàng hoá	Hàng hoá phải đảm bảo mới 100% chưa qua sử dụng	Hàng hoá phải đảm bảo mới 100% chưa qua sử dụng	Hàng đã qua sử dụng hoặc không rõ chất lượng
6	Năm sản xuất	Năm 2024-2025	Năm 2024-2025	Từ trước năm 2024
7	Bảo hành	Có cam kết, Nêu rõ chế độ bảo hành	Có cam kết, Nêu rõ chế độ bảo hành	Không cam kết bảo hành hoặc không đáp ứng bất kỳ một nội dung bảo hành nào
8	Khả năng thích ứng về địa lý, có ảnh hưởng đến môi trường và đề xuất biện pháp giải quyết	Hàng hóa được cung cấp hoàn toàn thích ứng với khí hậu khu vực phía Bắc của Việt Nam, Có cam kết đối với hàng hoá có tác động đến môi trường	Nhà thầu có cam kết, hàng hóa được cung cấp hoàn toàn thích ứng với khí hậu khu vực phía Bắc của Việt Nam, Có cam kết đối với hàng hoá có tác động đến môi trường	Nhà thầu không có cam kết hoặc hàng hóa được cung cấp không thích ứng với khí hậu khu vực phía Bắc của Việt Nam, không có cam kết đối với các mặt hàng có tác động đến môi trường

HSDX được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật khi có tất cả các tiêu chí tổng quát đều được đánh giá là đạt.

#### **Mục 4. Tiêu chuẩn đánh giá về tài chính**

1. Xác định giá đề nghị chỉ định thầu<sup>1</sup>:

Bước 1: Sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch (nếu có);

Bước 2: Xác định giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch (nếu có), trừ đi giá trị giảm giá (nếu có);

<sup>1</sup> áp dụng đối với trường hợp gửi HSYC cho một nhà thầu

### Chương III. BIỂU MẪU

Mẫu số 01

#### ĐƠN ĐỀ XUẤT CHỈ ĐỊNH THẦU

\_\_\_\_\_, ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_

Kính gửi: \_\_\_\_\_ [Ghi tên bên mời thầu]

(sau đây gọi là bên mời thầu)

Sau khi nghiên cứu hồ sơ yêu cầu (bao gồm văn bản sửa đổi hồ sơ yêu cầu, nếu có), chúng tôi, \_\_\_\_\_ [Ghi tên nhà thầu], cam kết thực hiện gói thầu \_\_\_\_\_ [Ghi tên gói thầu] theo đúng yêu cầu của hồ sơ yêu cầu với tổng số tiền là \_\_\_\_\_ [Ghi giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền dự thầu]. Thời gian thực hiện gói thầu là \_\_\_\_\_ [Ghi thời gian thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu của hồ sơ yêu cầu].

Hồ sơ đề xuất có hiệu lực là \_\_\_\_ ngày [Ghi số ngày], kể từ ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_ [Ghi ngày có thời điểm đóng thầu].

Chúng tôi cam kết:

1. Tuân thủ hoàn toàn Quy định lựa chọn Nhà thầu cung cấp hàng hóa, dịch vụ tư vấn, dịch vụ phi tư vấn để bảo đảm tính liên tục cho hoạt động sản xuất, kinh doanh và mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên sử dụng nguồn vốn sản xuất kinh doanh của Công ty cổ phần 397 và các văn bản hướng dẫn hiện hành đã được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty cổ phần 397 khi tham dự gói thầu này;

2. Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác, không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về phá sản (không đang trong quá trình chấm dứt hoạt động hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh đối với nhà thầu là hộ kinh doanh).

3. Đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu;

4. Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định của pháp luật đấu thầu;

5. Không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự (chủ hộ không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự trong trường hợp nhà thầu là hộ kinh doanh);

6. Không thực hiện các hành vi tham nhũng, hối lộ, thông thầu, cản trở và các

hành vi vi phạm quy định khác của pháp luật đấu thầu khi tham dự gói thầu này.

7. Trong thời hạn 03 năm trước thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có nhân sự (ký kết hợp đồng lao động với nhà thầu tại thời điểm nhân sự thực hiện hành vi vi phạm) bị tòa án kết án có hành vi vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng theo quy định của pháp luật về hình sự nhằm mục đích cho nhà thầu trúng thầu<sup>(2)</sup>.

8. Những thông tin kê khai trong HSĐX là trung thực.

9. Trường hợp trúng thầu, HSĐX và các văn bản bổ sung, làm rõ HSĐX tạo thành thỏa thuận ràng buộc trách nhiệm giữa hai bên cho tới khi hợp đồng được ký kết.

**Đại diện hợp pháp của nhà thầu<sup>(1)</sup>**  
*[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]*

Ghi chú:

(1) Trường hợp đại diện theo pháp luật của nhà thầu ủy quyền cho cấp dưới ký đơn đề xuất chỉ định thầu thì phải gửi kèm theo Giấy ủy quyền theo Mẫu số 2 Chương này. Trường hợp tại điều lệ công ty hoặc tại các tài liệu khác liên quan có phân công trách nhiệm cho cấp dưới ký đơn đề xuất chỉ định thầu thì phải gửi kèm theo bản chụp các văn bản, tài liệu này (không cần lập Giấy ủy quyền theo Mẫu số 2 Chương này).

(2) HSYC không được yêu cầu nhà thầu phải nộp lý lịch tư pháp của nhân sự để chứng minh cho nội dung đánh giá này. Nội dung này chỉ yêu cầu nhà thầu cam kết trong Đơn này.

**GIẤY ỦY QUYỀN<sup>(1)</sup>**

Hôm nay, ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_, tại \_\_\_\_

Tôi là \_\_\_\_ [*Ghi tên, số CCCD hoặc số hộ chiếu, chức danh của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu*], là người đại diện theo pháp luật của \_\_\_\_ [*Ghi tên nhà thầu*] có địa chỉ tại \_\_\_\_ [*Ghi địa chỉ của nhà thầu*] bằng văn bản này ủy quyền cho \_\_\_\_ [*Ghi tên, số CCCD hoặc số hộ chiếu, chức danh của người được ủy quyền*] thực hiện các công việc sau đây trong quá trình tham dự thầu gói thầu \_\_\_\_ [*Ghi tên gói thầu*] thuộc \_\_\_\_ [*Ghi tên Kế hoạch mua sắm/dự toán mua sắm*] do \_\_\_\_ [*Ghi tên bên mời thầu*] tổ chức:

[- Ký đơn đề xuất;

- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với bên mời thầu trong quá trình tham dự thầu, kể cả văn bản giải trình, làm rõ HSDX;

- Tham gia quá trình thương thảo hợp đồng;

- Ký kết hợp đồng với đơn vị mua sắm nếu được trúng thầu.]<sup>(2)</sup>

Người được ủy quyền nêu trên chỉ thực hiện các công việc trong phạm vi ủy quyền với tư cách là đại diện hợp pháp của \_\_\_\_ [*Ghi tên nhà thầu*]. \_\_\_\_ [*Ghi tên nhà thầu*] chịu trách nhiệm hoàn toàn về những công việc do \_\_\_\_ [*Ghi tên người được ủy quyền*] thực hiện trong phạm vi ủy quyền.

Giấy ủy quyền có hiệu lực kể từ ngày \_\_\_\_ đến ngày \_\_\_\_<sup>(3)</sup>. Giấy ủy quyền này được lập thành \_\_\_\_ bản có giá trị pháp lý như nhau, người ủy quyền giữ \_\_\_\_ bản, người được ủy quyền giữ \_\_\_\_ bản.

**Người được ủy quyền**

[*Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu (nếu có)*]

**Người ủy quyền**

[*Ghi tên người đại diện theo pháp luật của nhà thầu, chức danh, ký tên và đóng dấu*]

Ghi chú:

(1) Trường hợp ủy quyền thì bản gốc giấy ủy quyền phải được gửi cho bên mời thầu cùng với đơn đề xuất chỉ định thầu. Việc ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu cho cấp phó, cấp dưới, giám đốc chi nhánh, người đứng đầu văn phòng đại diện của nhà thầu để thay mặt cho người đại diện theo pháp luật của nhà thầu thực hiện một hoặc các nội dung công việc nêu trên đây. Việc sử dụng con dấu trong trường hợp được ủy quyền có thể là dấu của nhà thầu hoặc dấu của đơn vị mà cá nhân liên quan được ủy quyền. Người được ủy quyền không được tiếp tục ủy quyền cho người khác.

(2) Phạm vi ủy quyền bao gồm một hoặc nhiều công việc nêu trên.

(3) Ghi ngày có hiệu lực và ngày hết hiệu lực của giấy ủy quyền phù hợp với quá trình tham dự thầu.

**THỎA THUẬN LIÊN DANH <sup>(1)</sup>**

\_\_\_\_\_, ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_

Gói thầu: \_\_\_\_\_ [*Ghi tên gói thầu*]

Thuộc: \_\_\_\_\_ [*Ghi tên Kế hoạch mua sắm/dự toán mua sắm*]

- Căn cứ<sup>(2)</sup> \_\_\_\_\_;

- Căn cứ hồ sơ yêu cầu gói thầu \_\_\_\_\_ [*Ghi tên gói thầu*] ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_ [*Ngày được ghi trên HSYC*];

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký thỏa thuận liên danh, gồm có:

**Tên thành viên liên danh** \_\_\_\_\_ [*Ghi tên từng thành viên liên danh*]

Đại diện là ông/bà: \_\_\_\_\_

Chức vụ: \_\_\_\_\_

Địa chỉ: \_\_\_\_\_

Điện thoại: \_\_\_\_\_

Fax: \_\_\_\_\_

E-mail: \_\_\_\_\_

Tài khoản: \_\_\_\_\_

Mã số thuế: \_\_\_\_\_

Giấy ủy quyền số \_\_\_\_\_ ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_ (*trường hợp được ủy quyền*).

Các bên (sau đây gọi là thành viên) thống nhất ký kết thỏa thuận liên danh với các nội dung sau:

**Điều 1. Nguyên tắc chung**

1. Các thành viên tự nguyện hình thành liên danh để tham dự thầu gói thầu [*Ghi tên gói thầu*] thuộc \_\_\_\_\_ [*Ghi tên Kế hoạch mua sắm/dự toán mua sắm*].

2. Các thành viên thống nhất tên gọi của liên danh cho mọi giao dịch liên quan đến gói thầu này là: \_\_\_\_\_ [*Ghi tên của liên danh theo thỏa thuận*].

3. Các thành viên cam kết không thành viên nào có quyền từ chối thực hiện các trách nhiệm và nghĩa vụ quy định trong hợp đồng. Trường hợp thành viên của liên danh từ chối hoàn thành trách nhiệm riêng của mình như đã thỏa thuận thì thành viên đó bị xử lý như sau:

- Bồi thường thiệt hại cho các bên trong liên danh;
- Bồi thường thiệt hại cho đơn vị mua sắm theo quy định nêu trong hợp đồng;
- Hình thức xử lý khác \_\_\_\_\_ [*Ghi rõ hình thức xử lý khác*].

**Điều 2. Phân công trách nhiệm**

Các thành viên thống nhất phân công trách nhiệm để thực hiện gói thầu

\_\_\_\_\_ [Ghi tên gói thầu] thuộc \_\_\_\_\_ [Ghi tên Kế hoạch mua sắm/dự toán mua sắm] đối với từng thành viên như sau:

1. Thành viên đứng đầu liên danh

Các bên nhất trí ủy quyền cho \_\_\_\_\_ [Ghi tên một bên] làm thành viên đứng đầu liên danh, đại diện cho liên danh trong những phần việc sau<sup>(3)</sup>:

[ - Ký đơn đề xuất chỉ định thầu;

- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với bên mời thầu trong quá trình tham dự thầu, kể cả văn bản đề nghị làm rõ HSYC và văn bản giải trình, làm rõ HSĐX;

- Tham gia quá trình thương thảo hợp đồng;

- Tham gia quá trình hoàn thiện hợp đồng;

- Ký đơn kiến nghị trong trường hợp nhà thầu có kiến nghị;

- Các công việc khác trừ việc ký kết hợp đồng \_\_\_\_\_ [Ghi rõ nội dung các công việc khác (nếu có)].

2. Các thành viên trong liên danh thống nhất phân công công việc từng thành viên đảm nhận trong liên danh như sau<sup>(4)</sup>:

STT	Tên	Nội dung công việc đảm nhận	Giá trị đảm nhận hoặc tỷ lệ % so với tổng giá dự thầu
1	Tên thành viên đứng đầu liên danh		
2	Tên thành viên thứ 2		
....	....		
<b>Tổng cộng</b>		<b>Toàn bộ công việc của gói thầu</b>	

### Điều 3. Hiệu lực của thỏa thuận liên danh

1. Thỏa thuận liên danh có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Thỏa thuận liên danh chấm dứt hiệu lực trong các trường hợp sau:

- Các bên hoàn thành trách nhiệm và nghĩa vụ của mình và tiến hành thanh lý hợp đồng;

- Các bên cùng thỏa thuận chấm dứt;

- Nhà thầu liên danh không trúng thầu;

- Hủy thầu gói thầu \_\_\_\_\_ [Ghi tên gói thầu] thuộc \_\_\_\_\_ [Ghi tên Kế hoạch mua sắm/dự toán mua sắm] theo thông báo của bên mời thầu.

Thỏa thuận liên danh được lập thành \_\_\_\_\_ bản, mỗi bên giữ \_\_\_\_\_ bản, các bản thỏa thuận có giá trị pháp lý như nhau.

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN ĐỨNG ĐẦU LIÊN DANH<sup>(5)</sup>**  
*[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]*

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN LIÊN DANH**  
*[Ghi tên từng thành viên, chức danh, ký tên và đóng dấu]*

Ghi chú:

(1) Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu, nội dung thỏa thuận liên danh theo mẫu này có thể được sửa đổi bổ sung cho phù hợp.

(2) Cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật theo quy định hiện hành.

(3) Phạm vi ủy quyền bao gồm một hoặc nhiều công việc nêu trên.

(4) Nhà thầu phải ghi rõ nội dung công việc cụ thể và ước tính giá trị tương ứng mà từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện, trách nhiệm chung, trách nhiệm của từng thành viên, kể cả thành viên đứng đầu liên danh.

(5) Đại diện hợp pháp của thành viên liên danh có thể là người đại diện theo pháp luật hoặc người được người đại diện theo pháp luật ủy quyền.

**BẢNG TỔNG HỢP GIÁ DỰ THẦU**

<b>STT</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Giá dự thầu</b>
1	Hàng hoá	(M)
2	Dịch vụ liên quan	(I)
	<b>Tổng cộng giá dự thầu</b> <i>(Kết chuyển sang đơn đề xuất chỉ định thầu)</i>	<b>(M) + (I) + (C)</b>

**Đại diện hợp pháp của nhà thầu**  
*[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]*

**BẢNG GIÁ DỰ THẦU CỦA HÀNG HÓA**

Stt	Danh mục hàng hóa	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Khối lượng	Mã HS	Đơn giá dự thầu (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có))	Thành tiền đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)=(10)x(12)
	Hàng hóa thứ 1											Ml
	....											
	Hàng hóa thứ n											Mn
Tổng cộng giá dự thầu của hàng hóa đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)												(M)

**Đại diện hợp pháp của nhà thầu**

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

- Đơn vị mua sắm, bên mời thầu điền từ (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10):
- (8) Dẫn chiếu đến nội dung tương ứng quy định tại Chương IV.
- Nhà thầu điền từ (11), (12), (13):

(11): Nhà thầu biết mã HS của hàng hóa thì nhà thầu liệt kê;

(12), (13): Nhà thầu điền đơn giá, thành tiền bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có). Khi tham dự thầu, nhà thầu phải chịu trách nhiệm tìm hiểu, tính toán và chào đầy đủ các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có) theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định.

**BẢNG GIÁ DỰ THẦU CỦA HÀNG HÓA**

**I. Hàng hóa được sản xuất, gia công tại Việt Nam**

Stt	Danh mục hàng hóa	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Khối lượng	Mã HS	Đơn giá EXW	Giá EXW	Chi phí vận chuyển, bảo hiểm và các dịch vụ khác	Thành tiền không bao gồm thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), thuế VAT	Thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), thuế VAT	Thành tiền đã bao gồm thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), thuế VAT
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)=(10)x(12)	(14)	(15)=(13)+(14)	(16)	(17)=(15)+(16)
<b>Tổng</b>													(M*)		(M1)	

**Đại diện hợp pháp của nhà thầu**

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

- Đơn vị mua sắm, bên mời thầu điền (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
- (8): Dẫn chiếu đến nội dung tương ứng quy định tại Chương IV.

- Nhà thầu điền:

(11): Nhà thầu biết mã HS của hàng hóa thì nhà thầu liệt kê;

(14): Chi phí vận chuyển, bảo hiểm và các dịch vụ khác (đã bao gồm thuế VAT) để vận chuyển hàng hóa đến địa điểm theo yêu cầu.

(16) Thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), thuế VAT phải nộp trong trường hợp nhà thầu được trao hợp đồng.

(12) (13) (14) (15) (16) (17): Nhà thầu điền. Thành tiền (M\*) chưa bao gồm thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), thuế VAT là cơ sở để so sánh, xếp hạng nhà thầu. Giá trị thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), thuế VAT (cột 16) sẽ không được xem xét trong quá trình đánh giá đề so sánh, xếp hạng nhà thầu đối với trường hợp gửi HSYC cho lớn hơn một nhà thầu. Giá đề nghị trúng thầu và giá hợp đồng phải bao gồm giá trị thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), thuế VAT.

## II. Hàng hóa được sản xuất, gia công ngoài nước đã được nhập khẩu hoặc sẽ được nhập khẩu vào Việt Nam

Stt	Danh mục hàng hóa	Ký mã hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Khối lượng	Mã HS	Đơn giá bao gồm thuế, lệ phí, lệ phí liên quan đến nhập khẩu	Thuế, phí, lệ phí liên quan đến nhập khẩu đối với một đơn vị hàng hóa	Đơn giá không gồm thuế, lệ phí liên quan đến nhập khẩu	Giá từng hạng mục không bao gồm thuế, lệ phí liên quan đến nhập khẩu	Chi phí vận chuyển, bảo hiểm và các dịch vụ khác	Thành tiền không bao gồm thuế, lệ phí liên quan đến nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), thuế VAT	Thuế, phí, lệ phí liên quan đến nhập khẩu đối với từng hạng mục	Thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), thuế VAT	Thành tiền bao gồm thuế, phí, lệ phí liên quan đến nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), thuế VAT	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14) = (12) - (13)	(15) = (10) x (14)	(16)	(17) = (15) + (16)	(18) = (10) x (13)	(19)	(20) = (17) + (18) + (19)
Tổng																			
																			(M2)

### Đại diện hợp pháp của nhà thầu

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

Bên mời thầu điền:

- Đơn vị mua sắm, bên mời thầu điền (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)

(8): Dẫn chiếu đến nội dung tương ứng quy định tại Chương IV.

- Nhà thầu điền:

(11): Nhà thầu biết mã HS của hàng hóa thì nhà thầu liệt kê;

(14): Chi phí vận chuyển, bảo hiểm và các dịch vụ khác (đã bao gồm thuế VAT) ở Việt Nam để vận chuyển hàng hóa

đến địa điểm theo yêu cầu.

(11) (12) (13) (14) (15) (16) (17) (18) (19) (20): Nhà thầu điện. Thành tiền (M\*) không bao gồm thuế, phí, lệ phí liên quan đến nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), thuế VAT là cơ sở để so sánh, xếp hạng nhà thầu. Giá trị thuế, phí, lệ phí liên quan đến nhập khẩu (cột 18) và thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), thuế VAT (cột 19) sẽ không được xem xét trong quá trình đánh giá để so sánh, xếp hạng nhà thầu. Giá đề nghị trúng thầu và giá hợp đồng phải bao gồm giá trị thuế, phí, lệ phí liên quan đến nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), thuế VAT.

Mẫu số 4.2

**BẢNG GIÁ DỰ THẦU CHO CÁC DỊCH VỤ LIÊN QUAN**

STT	Mô tả dịch vụ	Khối lượng mời thầu	Đơn vị tính	Địa điểm thực hiện dịch vụ	Ngày hoàn thành dịch vụ	Đơn giá dự thầu	Thành tiền (Cột 3x7)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1							
2							
..							
<b>Tổng giá dự thầu cho các dịch vụ liên quan đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)</b>							<b>(I)</b>

**Đại diện hợp pháp của nhà thầu**

*[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]*

Ghi chú:

- Cột (1) đến (6): Bên mời thầu điền, trong đó dẫn chiếu đến yêu cầu tại Chương IV cho phù hợp.
- Cột (7) (8): Nhà thầu chào (bao gồm tất cả các loại thuế, phí, lệ phí).

**BẢNG TIỀN ĐỘ CUNG CẤP(\*)**

Nhà thầu đề xuất tiến độ cung cấp phù hợp với yêu cầu của Đơn vị mua sắm

Stt	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Khối lượng	Địa điểm	Ngày giao hàng		Ngày giao hàng do nhà thầu đề xuất [ghi số ngày: kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực hoặc kể từ ngày đơn vị mua sắm yêu cầu giao hàng đối với trường hợp giao hàng nhiều lần]
					Ngày giao hàng sớm nhất [ghi số ngày: kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực hoặc kể từ ngày đơn vị mua sắm yêu cầu giao hàng đối với trường hợp giao hàng nhiều lần]	Ngày giao hàng muộn nhất [ghi số ngày: kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực hoặc kể từ ngày đơn vị mua sắm yêu cầu giao hàng đối với trường hợp giao hàng nhiều lần]	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Máy siết bu lông dùng pin (19mm/bl)(40v max) - TW001GM201	Cái	1	Kho vật tư - Công ty cổ phần 397 – Khu Nam Trảng Bạch, Hoàng Quế, Quảng Ninh	01 ngày kể từ ngày có thông báo giao hàng của chủ đầu tư	05 ngày kể từ ngày có thông báo giao hàng của chủ đầu tư	
2	Máy siết bu lông dùng pin (12.7MMBL)(18V)- DTW700RTJ	Cái	1				
3	Lam 450mm	Cái	1				
4	Lưới cửa xích hiệu SUNIL 91FOP	Sợi	1				

5	Máy bơm Ebara DWO300/380V	Cái	1	Kho vật tư - Công ty cổ phần 397 – Khu Nam Trảng Bách, Hoàng Quế, Quảng Ninh	01 ngày kể từ ngày có thông báo giao hàng của chủ đầu tư	05 ngày kể từ ngày có thông báo giao hàng của chủ đầu tư
6	Đồng hồ vạn năng Kyoritsu 1110S	Cái	1			
7	Cầu giao hộp đảo chiều 3 pa 3 cực 200A 660V	Hộp	1			
8	Ổng zem kèm phi 60	Ổng	6			
9	Cầu chì sứ	Cái	5			
10	Vỏ cầu chì	Cái	2			
11	Vòng bi 6006	Cái	2			
12	Kim kyoritsu 2002Pa	Cái	1			
13	Nhựa mika trong 6mm 1.22x3m	Mét	3,66			
14	Phấn đá cơ khí	Hộp	5			
15	Đồng hồ C02 Linyue 36V	Cái	3			
16	Đầu cốt đồng 4	Cái	100			
17	Đầu cốt đồng 6	Cái	200			
18	Đầu cốt đồng 10	Cái	100			
19	Đầu cốt đồng 16	Cái	100			
20	Mũi khoan thép 4-32 loại đẹp	Cái	4			
21	Lọc dầu hộp số (4120004492)	Cái	2			
22	Lõi lọc tay chang thủy lực 4120001954001	Cái	1			
23	Lọc thủy lực 4120003296	Cái	1			
24	Tâm phíp 1,5cm	Tâm	1			
25	Đui sứ E40	Cái	10			
26	Vòng bi 6202	Vòng	1			
27	Cây trúc 4m	Cây	54			
28	Buly phi 4v	Cái	2			
29	Phốt lò xo xịn 32x52x8	Cái	2			

30	Bulong 30x250 kèm long đen	Bộ	5	Kho vật tư - Công ty cổ phần 397 – Khu Nam Trảng Bách, Hoàng Quế, Quảng Ninh	01 ngày kể từ ngày có thông báo giao hàng của chủ đầu tư	05 ngày kể từ ngày có thông báo giao hàng của chủ đầu tư
31	Bóng đèn sợi đốt 300 E40	Cái	10			
32	A xít tôn pha sơn	lít	15			
33	Khẩu 3/4 -24	Cái	4			
34	Khẩu 3/4 -27	Cái	4			
35	Khẩu 3/4 -32	Cái	4			
36	Khẩu 3/4 -30	Cái	3			
37	Ống nhựa HDPE phi 63	Mét	70			
38	Van khóa đồng phi 63	Cái	2			
39	Cút nối ren ngoài nhựa HDPE phi 63	Cái	6			
40	Phao cơ chống tràn phi 60 (DN 50)	Cái	3			
41	Cút nối thẳng nhựa HDPE phi 63	Cái	10			
42	Dây tết mỡ phi 18cm	Kg	60			
43	Hộp chụp attomat nhựa	Cái	5			
44	Bộ tay bơm hơi thẳng kèm đồng hồ	Bộ	1			
45	Nờ sắt phi 12	Bộ	6			
46	Vít sắt phi 6	Cái	50			
47	Vít nở nhựa phi 6	Cái	50			
48	Mặt nạ hàn mic điện tử	Cái	1			
49	Kẹp kim mỏ hàn ting WP-26	Cái	5			
50	Chụp kẹp kim mỏ WP-26 2,4mm	Cái	5			
51	Chụp sứ số 6 mỏ WP-26	Cái	10			
52	Chụp sứ số 4 mỏ WP-26	Cái	10			
53	Đầu cốt đồng 4	Cái	100			
54	Đầu cốt đồng 6	Cái	100			

55	Đầu cốt đồng 10	Cái	100	<p>Kho vật tư - Công ty cổ phần 397 – Khu Nam Trăng Bạch, Hoàng Quế, Quảng Ninh</p> <p>01 ngày kể từ ngày có thông báo giao hàng của chủ đầu tư</p> <p>05 ngày kể từ ngày có thông báo giao hàng của chủ đầu tư</p>
56	Đầu cốt đồng 16	Cái	100	
57	Đầu cốt đồng phi 1,5	Cái	100	
58	Đầu cốt đồng phi 2,5	Cái	100	
59	Đầu cốt đồng phi 70	Cái	100	
60	Tô vít cách điện 1000V Wiha 00848	Cái	7	
61	Kim kẹp ắc quy loại to	Cái	6	
62	Ống cao su mềm phi 27 loại dày	Mét	50	
63	Đồng hồ nạp ga	Bộ	1	
64	Máy hút nén	Cái	1	
65	Đầu nạp ga xanh	Cái	3	
66	Bộ máy mài hơi và đá mài 16 chi tiết Air Die Grinder Kit 16pc	Bộ	1	
67	Van đồng 1 chiều phi 76 (D65)	Cái	1	
68	Ống ren kẽm 1 đầu phi 76 (D65)	Cái	1	
69	Bulong lục giác 8x80	Bộ	4	
70	Vòng bi 6204	Vòng	1	
71	Phễu nghiêng	Cái	2	
72	Phễu tròn	Cái	2	
73	Xô inox 15 lít	Cái	6	
74	Chổi sơn nhựa loại to	Cái	11	
75	Dây ruroa 8560	Sợi	2	
76	Bulong M16x90	Bộ	4	
77	Rơ le điện máy nén khí	Cái	1	
78	Công tắc cát mát	Cái	6	
79	Vòi nhựa 1/2	Cái	5	
80	Ổ cắm điện 3 lỗ	Cái	6	

81	Thuốc livo	Cái	2	Kho vật tư - Công ty cổ phần 397 – Khu Nam Tràng Bạch, Hoàng Quế, Quảng Ninh	01 ngày kể từ ngày có thông báo giao hàng của chủ đầu tư	05 ngày kể từ ngày có thông báo giao hàng của chủ đầu tư	
82	Bulong M27x300	Bộ	1				
83	Attomat 20A	Cái	13				
84	Attomat panasonic 30 A	Cái	9				
85	Má phanh xúc lật	Cái	36				
86	Dây cáp lên kính	Mét	28,5				
87	Bulong M20x250 kèm ống suốt	Bộ	2				
88	Ghen điện vuông 14x16	Cây	9				
89	Công tắc đèn xe oto loại 4 chân	Cái	1				
90	Bộ tay quay dầu	Bộ	2				
91	Bulong M14x120	Bộ	4				
92	Van đồng MBV tay gạt phi 34	Cái	2				
93	Đầu ren 1 đầu phi 34 đồng	Cái	4				
94	Kim bóp cốt	Cái	1				
95	Keo vá xam maruni	Cái	1				
96	Ông cao su bó vải phi 27	Cái	20				
97	Ông nước nhựa mềm 25	Cái	25				

### Đại diện hợp pháp của nhà thầu

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

Cột (1) (2) (3)(4) (5) (6) (7): Bên mời thầu điện.

Cột (8): Nhà thầu điện;

(\*) Hàng hóa phải được giao trong khoảng thời gian quy định trong HSYC. Nhà thầu đề xuất thời gian giao hàng sớm hơn ngày giao hàng sớm nhất thì không được tính và không bị loại. Nhà thầu đề xuất thời gian giao hàng muộn hơn khoảng thời gian này thì HSYC của nhà thầu sẽ bị loại.

**BẢN KÊ KHAI THÔNG TIN VỀ NHÀ THẦU <sup>(1)</sup>**

Ngày: \_\_\_\_\_  
Tên gói thầu: \_\_\_\_\_

Tên nhà thầu: *[ghi tên nhà thầu. Trong trường hợp liên danh, điền tên của từng thành viên]*

Nơi nhà thầu đăng ký kinh doanh, hoạt động:  
*[điền tên tỉnh/thành phố nơi đăng ký kinh doanh, hoạt động]*

Năm thành lập công ty:

Địa chỉ hợp pháp của nhà thầu *[tại nơi đăng ký]*:

Thông tin về đại diện ủy quyền của nhà thầu

Tên: \_\_\_\_\_

Địa chỉ: \_\_\_\_\_

Số điện thoại/fax: \_\_\_\_\_

Địa chỉ email: \_\_\_\_\_

1. Kèm theo là bản chụp một trong các tài liệu sau đây: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đầu tư, Quyết định thành lập hoặc Giấy đăng ký hoạt động hợp pháp...

2. Trình bày sơ đồ tổ chức của nhà thầu.

Ghi chú:

(1) Đối với nhà thầu liên danh thì từng thành viên phải kê khai theo Mẫu này.

**HỢP ĐỒNG TƯƠNG TỰ DO NHÀ THẦU THỰC HIỆN <sup>(1)</sup>**  
*(áp dụng đối với nhà thầu thương mại)*

Tên nhà thầu: \_\_\_ [ghi tên đầy đủ của nhà thầu].

Thông tin về từng hợp đồng, mỗi hợp đồng cần bảo đảm các thông tin sau đây:

Tên và số hợp đồng	<i>[ghi tên đầy đủ của hợp đồng, số ký hiệu]</i>	
Ngày ký hợp đồng	<i>[ghi ngày, tháng, năm]</i>	
Ngày hoàn thành	<i>[ghi ngày, tháng, năm]</i>	
Giá hợp đồng <sup>(3)</sup>	<i>[ghi tổng giá hợp đồng theo số tiền và đồng tiền đã ký]</i>	Tương đương ____ VND
Trường hợp là thành viên liên danh, ghi tóm tắt phần công việc đảm nhận trong liên danh và giá trị phần hợp đồng mà nhà thầu đảm nhận	<i>[ghi tóm tắt phần công việc đảm nhận trong liên danh]</i>	<i>[ghi phần trăm giá trị phần hợp đồng đảm nhận trong tổng giá hợp đồng; số tiền và đồng tiền đã ký]</i> Tương đương ____ VND
Tên Kế hoạch mua sắm/dự toán mua sắm:	<i>[ghi tên đầy đủ của Kế hoạch mua sắm/dự toán mua sắm có hợp đồng đang kê khai]</i>	
Tên Đơn vị mua sắm:	<i>[ghi tên đầy đủ của Đơn vị mua sắm trong hợp đồng đang kê khai]</i>	
Địa chỉ: Điện thoại/fax: E-mail:	<i>[ghi đầy đủ địa chỉ hiện tại của Đơn vị mua sắm]</i> <i>[ghi số điện thoại, số fax kể cả mã quốc gia, mã vùng]</i> <i>[ghi địa chỉ e-mail]</i>	
<b>Mô tả tính chất tương tự theo quy định tại Mục 2.1 Chương II<sup>(2)</sup></b>		
1. Loại hàng hóa	<i>[ghi thông tin phù hợp]</i>	
2. Về giá trị hợp đồng đã thực hiện <sup>(3)</sup>	<i>[ghi giá trị hợp đồng thực tế đã thực hiện căn cứ theo giá trị nghiệm thu, thanh lý hợp đồng]</i>	
3. Về quy mô thực hiện	<i>[ghi quy mô theo hợp đồng]</i>	

4. Các đặc tính khác	<i>[ghi các đặc tính khác nếu cần thiết]</i>
----------------------	--

Nhà thầu nghiên cứu kỹ HSYC và đề xuất các hợp đồng tương tự khác nhau để bảo đảm đáp ứng yêu cầu của HSYC. Nhà thầu phải gửi kèm theo bản chụp các văn bản, tài liệu liên quan đến các hợp đồng đó (xác nhận của đơn vị mua sắm về hợp đồng thực hiện theo các nội dung liên quan trong bảng trên...).

Ghi chú:

(1) Trong trường hợp liên danh, từng thành viên trong liên danh kê khai theo Mẫu này. Trường hợp nhà thầu có nhiều hợp đồng tương tự thì kê khai từng hợp đồng theo Mẫu này.

(2) Nhà thầu chỉ kê khai nội dung tương tự với yêu cầu của gói thầu.

(3) Trường hợp giá trị hợp đồng không tính bằng VND thì quy đổi sang VND theo tỷ giá theo quy định tại Mục 2.1 Chương II để làm cơ sở đánh giá.

**KÊ KHAI NĂNG LỰC SẢN XUẤT HÀNG HÓA**

*(áp dụng đối với nhà thầu là nhà sản xuất)*

Tên nhà thầu: \_\_\_\_\_ [*ghi tên đầy đủ của nhà thầu*].

Số lượng nhà máy, cơ sở sản xuất (gọi chung là nhà máy): \_\_\_\_\_ [*Điền số nhà máy*]

Đối với mỗi nhà máy, nhà thầu kê khai thông tin sau đây:

Tên nhà máy:	[ <i>Ghi tên nhà máy</i> ]
Địa chỉ:	[ <i>Ghi địa chỉ nhà máy</i> ]
Tổng mức đầu tư:	[ <i>Ghi tổng mức đầu tư</i> ]
Công suất thiết kế:	[ <i>Ghi công suất thiết kế</i> ]
Công suất thực hiện:	[ <i>Ghi công suất thực hiện trong năm gần nhất</i> ]
Tiêu chuẩn sản xuất:	[ <i>Ghi tiêu chuẩn sản xuất đang áp dụng, nếu có</i> ]
Số lao động đang làm việc:	[ <i>Ghi tổng số lao động đang làm việc tại nhà máy</i> ]

Ghi chú:

Trong trường hợp liên danh, từng thành viên trong liên danh kê khai theo Mẫu này.

**BẢNG ĐỀ XUẤT NHÂN SỰ CHỦ CHỐT**

Không áp dụng.

**BẢNG LÝ LỊCH CHUYÊN MÔN CỦA NHÂN SỰ CHỦ CHỐT**

Không áp dụng

Mẫu số 07c

**BẢNG KINH NGHIỆM CHUYÊN MÔN**

Không áp dụng

**HỢP ĐỒNG CUNG CẤP HÀNG HÓA, EPC, EC, PC, CHÌA KHÓA TRAO TAY KHÔNG HOÀN THÀNH DO LỖI CỦA NHÀ THẦU TRONG QUÁ KHỨ<sup>(1)</sup>**

Tên nhà thầu: \_\_\_\_\_

Ngày: \_\_\_\_\_

Tên thành viên của nhà thầu liên danh (nếu có): \_\_\_\_\_

**Các hợp đồng không hoàn thành do lỗi của nhà thầu trong quá khứ theo quy định tại Mục 2.1 Chương II**

Không có hợp đồng không hoàn thành do lỗi của nhà thầu kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 theo quy định tại tiêu chí đánh giá 1 trong Bảng tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm thuộc Mục 2.1 Chương II.

Có hợp đồng đã ký nhưng không hoàn thành do lỗi của nhà thầu kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 theo quy định tại tiêu chí đánh giá 1 trong Bảng tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm thuộc Mục 2.1 Chương II.

Năm	Phần việc hợp đồng không hoàn thành	Mô tả hợp đồng	Tổng giá trị hợp đồng (giá trị, loại đồng tiền, tỷ giá hối đoái, giá trị tương đương bằng VND)
		Mô tả hợp đồng: _____ Tên Đơn vị mua sắm: _____ Địa chỉ: _____ Nguyên nhân không hoàn thành hợp đồng: _____	

Ghi chú:

(1) Nhà thầu phải kê khai chính xác, trung thực các hợp đồng không hoàn thành do lỗi của nhà thầu trong quá khứ; trường hợp Bên mời thầu phát hiện nhà thầu có hợp đồng không hoàn thành do lỗi của nhà thầu trong quá khứ mà không kê khai thì nhà thầu được coi là có hành vi gian lận và HSĐX của nhà thầu sẽ bị loại. Trường hợp nhà thầu liên danh thì từng thành viên liên danh phải kê khai theo Mẫu này.

**TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CỦA NHÀ THẦU<sup>(1)</sup>**

Tên nhà thầu: \_\_\_\_\_

Ngày: \_\_\_\_\_

Năm tài chính của nhà thầu từ ngày ___ tháng ___ đến ngày ___ tháng ___ (nhà thầu điền nội dung này)			
Số liệu tài chính trong các năm gần nhất theo yêu cầu của HSYC			
	Năm 1:	Năm 2:	Năm 3:
<b>Tổng tài sản</b>			
<b>Tổng nợ</b>			
<b>Giá trị tài sản ròng</b>			
<b>Doanh thu hằng năm (không bao gồm thuế VAT)</b>			
<b>Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) <sup>(2)</sup></b>			
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>			
<b>Lợi nhuận sau thuế</b>			

Ghi chú:

(1) Trường hợp nhà thầu liên danh thì từng thành viên liên danh phải kê khai theo Mẫu này.

(2) Để xác định doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT), nhà thầu chia tổng doanh thu của các năm (không bao gồm thuế VAT) cho số năm dựa trên thông tin đã được cung cấp.

Doanh thu hằng năm được tính bằng tổng doanh thu trong báo cáo tài chính của năm đó (chưa bao gồm thuế VAT).

Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) = tổng doanh thu từng năm (không bao gồm thuế VAT) theo yêu cầu của HSYC/số năm.

Trường hợp nhà thầu mới thành lập không đủ số năm theo yêu cầu của HSYC thì Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) được tính trên cơ sở số năm mà nhà thầu có số liệu tài chính.

Nhà thầu phải nộp các tài liệu như sau:

Bản sao các báo cáo tài chính (các bảng cân đối kế toán bao gồm tất cả thuyết minh có liên quan, và các báo cáo kết quả kinh doanh) cho các năm như đã nêu trên, tuân thủ các điều kiện sau:

1. Phản ánh tình hình tài chính của nhà thầu hoặc thành viên liên danh (nếu là nhà thầu liên danh) mà không phải tình hình tài chính của một chủ thể liên kết như công ty mẹ liên kết với công ty con hoặc công ty liên kết với nhà thầu hoặc thành viên liên danh.

2. Các báo cáo tài chính phải hoàn chỉnh, đầy đủ nội dung theo quy định.

3. Các báo cáo tài chính phải tương ứng với các kỳ kế toán đã hoàn thành kèm theo bản chụp được chứng thực một trong các tài liệu sau đây:

- Biên bản kiểm tra quyết toán thuế;
- Tờ khai tự quyết toán thuế (thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập doanh nghiệp) có xác nhận của cơ quan thuế về thời điểm đã nộp tờ khai;
- Tài liệu chứng minh việc nhà thầu đã kê khai quyết toán thuế điện tử;
- Văn bản xác nhận của cơ quan quản lý thuế (xác nhận số nộp cả năm) về việc thực hiện nghĩa vụ nộp thuế;
- Báo cáo kiểm toán (nếu có);
- Các tài liệu khác.

Các tài liệu trên đây phải phù hợp với số liệu nhà thầu đã kê khai trên Hệ thống Thuế điện tử tại thời điểm đóng thầu.

**Phần 2. YÊU VÀU VỀ KỸ THUẬT**  
**Chương IV. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT CỦA HÀNG HÓA**

**Mục 1. Yêu cầu về kỹ thuật**

Yêu cầu về mặt kỹ thuật bao gồm các nội dung cơ bản như sau:

**1.1. Giới thiệu chung về Kế hoạch mua sắm/dự toán mua sắm, gói thầu**

- Tên gói thầu: Gói thầu: Mua vật tư, phụ tùng, hàng hoá các loại phục vụ sản xuất (GT26).

- Dự toán mua sắm: Mua vật tư, phụ tùng, hàng hoá các loại phục vụ sản xuất.

- Bên mời thầu: Công ty cổ phần 397

- Nguồn vốn: Chi phí sản xuất kinh doanh năm 2025 của Công ty cổ phần 397

- Hình thức lựa chọn nhà thầu: Chỉ định thầu thông thường

- Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu: Tháng 12/2025

- Thời gian thực hiện hợp đồng: 15 ngày.

- Loại hợp đồng: Trọn gói.

- Địa điểm giao hàng: Tại kho vật tư - Công ty cổ phần 397. Địa chỉ: Khu Nam Tràng Bạch, phường Hoàng Quê, tỉnh Quảng Ninh.

**1.2. Yêu cầu về kỹ thuật**

Yêu cầu về kỹ thuật bao gồm yêu cầu về kỹ thuật chung và yêu cầu về kỹ thuật chi tiết đối với hàng hóa thuộc phạm vi cung cấp của gói thầu, cụ thể:

**- Yêu cầu kỹ thuật chung**

+ Hàng hoá đảm bảo mới 100% chưa qua sử dụng

+ Đặc tính kỹ thuật: Đảm bảo các kích thước đúng theo tiêu chuẩn, danh điểm yêu cầu.

+ Xuất xứ: Có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng

+ Năm sản xuất: Năm 2024-2025

+ Khả năng thích ứng về địa lý, môi trường

+ Bảo hành: Bảo hành 01 tháng theo tiêu chuẩn nhà sản xuất hoặc theo bảng kê bảo hành chi tiết của nhà thầu.

**- Yêu cầu kỹ thuật cụ thể:**

TT	Danh mục hàng hóa	Yêu cầu
1	Máy siết bu lông dùng pin (19mm/bl)(40v max) - TW001GM201	Theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất
2	Máy siết bu lông dùng pin (12.7MMBL)(18V)- DTW700RTJ	Theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất
3	Lam 450mm	Theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất
4	Lưới cửa xích hiệu SUNIL 91FOP	Theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất

5	Máy bơm Ebara DWO300/380V	Theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất
6	Đồng hồ vạn năng Kyoritsu 1110S	Theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất
7	Cầu giao hộp đảo chiều 3 pa 3 cực 200A 660V	Theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất
8	Ổng zem kèm phi 60	Theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất
9	Cầu chì sứ	Theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất
10	Vỏ cầu chì	Theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất
11	Vòng bi 6006	Theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất
12	Kim kyoritsu 2002Pa	Theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất
13	Nhựa mika trong 6mm 1.22x3m	Theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất
14	Phấn đá cơ khí	Theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất
15	Đồng hồ C02 Linyue 36V	Theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất
16	Đầu cốt đồng 4	Theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất
17	Đầu cốt đồng 6	Theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất
18	Đầu cốt đồng 10	Theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất
19	Đầu cốt đồng 16	Theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất
20	Mũi khoan thép 4-32 loại đẹp	Theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất
21	Lọc dầu hộp số (4120004492)	Theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất
22	Lõi lọc tay chang thủy lực 4120001954001	Theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất
23	Lọc thủy lực 4120003296	Theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất
24	Tấm phíp 1,5cm	Theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất
25	Đui sứ E40	Theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất
26	Vòng bi 6202	Theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất
27	Cây trúc 4m	Theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất
28	Buly phi 4v	Theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất
29	Phớt lò xo xịn 32x52x8	Theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất
30	Bulong 30x250 kèm long đen	Theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất
31	Bóng đui sợi đốt 300 E40	Theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất
32	A xít tôn pha sơn	Theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất
33	Khẩu 3/4 -24	Theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất
34	Khẩu 3/4 -27	Theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất
35	Khẩu 3/4 -32	Theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất
36	Khẩu 3/4 -30	Theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất
37	Ổng nhựa HDPE phi 63	Theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất
38	Van khóa đồng phi 63	Theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất
39	Cút nối ren ngoài nhựa HDPE phi 63	Theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất
40	Phao cơ chống tràn phi 60 (DN 50)	Theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất
41	Cút nối thẳng nhựa HDPE phi 63	Theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất
42	Dây tết mỡ phi 18cm	Theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất
43	Hộp chụp attomat nhựa	Theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất
44	Bộ tay bơm hơi thẳng kèm đồng hồ	Theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất
45	Nở sắt phi 12	Theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất
46	Vít sắt phi 6	Theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất
47	Vít nở nhựa phi 6	Theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất
48	Mặt nạ hàn mic điện tử	Theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất
49	Kẹp kim mở hàn ting WP-26	Theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất
50	Chụp kẹp kim mở WP-26 2,4mm	Theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất

51	Chụp sứ số 6 mỏ WP-26	Theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất
52	Chụp sứ số 4 mỏ WP-26	Theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất
53	Đầu cốt đồng 4	Theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất
54	Đầu cốt đồng 6	Theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất
55	Đầu cốt đồng 10	Theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất
56	Đầu cốt đồng 16	Theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất
57	Đầu cốt đồng phi 1,5	Theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất
58	Đầu cốt đồng phi 2,5	Theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất
59	Đầu cốt đồng phi 70	Theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất
60	Tô vít cách điện 1000V Wiha 00848	Theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất
61	Kìm kẹp ắc quy loại to	Theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất
62	Ống cao su mềm phi 27 loại dày	Theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất
63	Đồng hồ nạp ga	Theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất
64	Máy hút nén	Theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất
65	Đầu nạp ga xanh	Theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất
66	Bộ máy mài hơi và đá mài 16 chi tiết Air Die Grinder Kit 16pc	Theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất
67	Van đồng 1 chiều phi 76 (D65)	Theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất
68	Ống ren kẽm 1 đầu phi 76 (D65)	Theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất
69	Bulong lục giác 8x80	Theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất
70	Vòng bi 6204	Theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất
71	Phễu nghiêng	Theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất
72	Phễu tròn	Theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất
73	Xô inox 15 lít	Theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất
74	Chổi sơn nhựa loại to	Theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất
75	Dây ruroa 8560	Theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất
76	Bulong M16x90	Theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất
77	Rơ le điện máy nén khí	Theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất
78	Công tắc cắt mát	Theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất
79	Vòi nhựa 1/2	Theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất
80	Ổ cắm điện 3 lỗ	Theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất
81	Thước livo	Theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất
82	Bulong M27x300	Theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất
83	Attomat 20A	Theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất
84	Attomat panasonic 30 A	Theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất
85	Má phanh xúc lật	Theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất
86	Dây cáp lên kính	Theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất
87	Bulong M20x250 kèm ống suốt	Theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất
88	Ghen điện vuông 14x16	Theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất
89	Công tắc đèn xe oto loại 4 chân	Theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất
90	Bộ tay quay dầu	Theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất
91	Bulong M14x120	Theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất
92	Van đồng MBV tay gạt phi 34	Theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất
93	Đầu ren 1 đầu phi 34 đồng	Theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất
94	Kìm bóp cốt	Theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất
95	Keo vá xăm maruni	Theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất

96	Ông cao su bố vải phi 27	Theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất
97	Ông nước nhựa mềm 25	Theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất

### 1.3. Các yêu cầu khác

- Thời gian bảo hành: Bảo hành 01 tháng theo tiêu chuẩn nhà sản xuất hoặc theo bảng kê bảo hành chi tiết của nhà thầu.

- Thời gian thanh toán: Bằng chuyển khoản 100% giá trị tiền hàng trong vòng 60 ngày kể từ ngày bên bán giao đủ hàng hóa và cung cấp đầy đủ giấy tờ liên quan bao gồm : Hóa đơn GTGT, biên bản giao nhận hàng hóa, giấy chứng nhận CO/CQ ( đối với hàng nhập khẩu có bản dịch tiếng việt kèm theo), giấy chứng nhận xuất xưởng đối với hàng Việt Nam (với các mặt hàng có giá trị dưới 5 triệu đồng có tính chất kỹ thuật cao yêu cầu nhà thầu phải có giấy chứng nhận xuất xưởng, còn lại các mặt hàng phụ trợ, tiêu hao..... thì nhà thầu có cam kết chất lượng, xuất xứ, hàng hoá, vật tư đảm bảo phục vụ theo nhu cầu sản xuất) và các giấy tờ cần thiết khác.

- Thời gian giao hàng: Trong vòng từ 01 ngày - 05 ngày kể từ ngày có thông báo giao hàng của chủ đầu tư.

- Địa điểm giao hàng: Tại kho vật tư - Công ty cổ phần 397. Địa chỉ: Khu Nam Tràng Bạch, phường Hoàng Quế, tỉnh Quảng Ninh.

- Xuất xứ: Ghi rõ xuất xứ hàng hóa.

- Cung cấp, vận chuyển hàng hóa đến địa điểm cung cấp theo đúng vị trí và yêu cầu của Chủ đầu tư.

- Bảo quản, nghiệm thu, bàn giao hàng hóa.

- Nhà thầu chịu mọi chi phí nghiệm thu và vận chuyển hàng hóa.

- Hàng hóa phải được bảo quản theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất.

- Hàng hóa cung cấp phải đảm bảo tiêu chuẩn chất lượng mới nhất hiện hành hoặc tương đương.

### Mục 2. Bản vẽ

Không bản vẽ.

### Mục 3. Kiểm tra và thử nghiệm

Các kiểm tra và thử nghiệm cần tiến hành gồm có:

- Hai bên tiến hành giao nhận số lượng theo thông báo đặt hàng của Chủ đầu tư.

- Kiểm tra sơ bộ đóng gói bên ngoài, hàng hóa nhập khẩu phải có giấy chứng nhận CO/CQ, hàng hóa sản xuất trong nước phải có giấy chứng nhận xuất xưởng hoặc nhà thầu có cam kết chất lượng, xuất xứ, hàng hoá, vật tư với mặt hàng tiêu dùng dưới 5 triệu đối với hàng Việt Nam.

- Hai bên phải đảm bảo an toàn trong giao nhận hàng hóa. Nếu bên nào không đảm bảo an toàn trong giao nhận để xảy ra sự cố thì phải chịu toàn bộ trách nhiệm trước pháp luật và bồi thường thiệt hại gây ra.

- Nếu kết quả kiểm tra về số lượng, chủng loại, xuất xứ, quy cách hàng hóa chứng tỏ hàng hóa phù hợp với hợp đồng thì hai bên sẽ tiến hành ký biên bản kiểm tra hàng hóa.

- Chủ đầu tư có quyền tiến hành các kiểm tra bổ sung. Nếu có kết quả không đúng theo HSDX thì chi phí kiểm tra bổ sung nhà thầu phải chịu, cũng như mọi chi phí sửa chữa cho tới khi hoàn chỉnh.

### Phần 3. ĐIỀU KIỆN HỢP ĐỒNG VÀ BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG

#### Chương V. ĐIỀU KIỆN CHUNG CỦA HỢP ĐỒNG

<b>1. Định nghĩa</b>	<p>Trong hợp đồng này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:</p> <p>1.1. “Đơn vị mua sắm” là tổ chức được quy định tại <b>ĐKCT</b>;</p> <p>1.2. “Hợp đồng” là thỏa thuận giữa Đơn vị mua sắm/Bên mời thầu và Nhà thầu, thể hiện bằng văn bản, được hai bên ký kết, bao gồm cả phụ lục và tài liệu kèm theo;</p> <p>1.3. “Nhà thầu” là Nhà thầu trúng thầu (có thể là Nhà thầu độc lập hoặc liên danh) và được quy định tại <b>ĐKCT</b>;</p> <p>1.4. “Nhà thầu phụ” là một cá nhân hay tổ chức có tên trong danh sách các Nhà thầu phụ do Nhà thầu chính đề xuất trong HSDX hoặc Nhà thầu thực hiện các phần công việc mà Nhà thầu chính đề xuất trong HSDX; ký Hợp đồng với Nhà thầu chính để thực hiện một phần công việc trong Hợp đồng theo nội dung đã kê khai trong HSDX được Đơn vị mua sắm/Bên mời thầu chấp thuận;</p> <p>1.5. “Tài liệu Hợp đồng” nghĩa là các tài liệu được liệt kê trong Hợp đồng, bao gồm bất kỳ bản sửa đổi, bổ sung nào của Hợp đồng;</p> <p>1.6. "Giá hợp đồng" là tổng số tiền ghi trong hợp đồng cho việc cung cấp hàng hoá và dịch vụ liên quan. Giá hợp đồng đã bao gồm tất cả các chi phí về thuế, phí, lệ phí (nếu có);</p> <p>1.7. “Ngày” là ngày dương lịch; tháng là tháng dương lịch;</p> <p>1.8. "Hàng hóa" bao gồm máy móc, thiết bị, nguyên liệu, nhiên liệu, vật tư, phụ tùng; hàng tiêu dùng; vật tư y tế dùng cho các cơ sở y tế;</p> <p>1.9. "Dịch vụ liên quan" bao gồm các dịch vụ như bảo hành, bảo trì, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa, cung cấp phụ tùng hoặc cung cấp các dịch vụ sau bán hàng khác như đào tạo, chuyển giao công nghệ;</p> <p>1.10. “Hoàn thành” là việc Nhà thầu hoàn tất các dịch vụ liên quan theo các điều khoản và điều kiện quy định tại Hợp đồng;</p> <p>1.11. "Địa điểm dự án" là địa điểm được quy định tại <b>ĐKCT</b>.</p>
----------------------	--

<p><b>2. Thứ tự ưu tiên</b></p>	<p>Các tài liệu cấu thành Hợp đồng được sắp xếp theo thứ tự ưu tiên sau đây:</p> <p>2.1. Hợp đồng, kèm theo các phụ lục hợp đồng;</p> <p>2.2. Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu;</p> <p>2.3. ĐKCT;</p> <p>2.4. ĐKC;</p> <p>2.5. HSDX và các văn bản làm rõ HSDX của Nhà thầu;</p> <p>2.6. HSYC và các tài liệu sửa đổi HSYC (nếu có);</p> <p>2.7. Các tài liệu khác quy định tại <b>ĐKCT</b>.</p>
<p><b>3. Luật và ngôn ngữ</b></p>	<p>Luật điều chỉnh hợp đồng là luật của Việt Nam, ngôn ngữ của hợp đồng là tiếng Việt.</p>
<p><b>4. Ủy quyền</b></p>	<p>Trừ khi có quy định khác trong <b>ĐKCT</b>, Đơn vị mua sắm có thể ủy quyền thực hiện bất kỳ trách nhiệm nào của mình cho người khác, sau khi thông báo bằng văn bản cho Nhà thầu và có thể rút lại quyết định ủy quyền sau khi đã thông báo bằng văn bản cho Nhà thầu.</p>
<p><b>5. Thông báo</b></p>	<p>5.1. Bất cứ thông báo nào của một bên gửi cho bên kia liên quan đến hợp đồng phải được thể hiện bằng văn bản, theo địa chỉ quy định tại <b>ĐKCT</b>.</p> <p>5.2. Thông báo của một bên sẽ được coi là có hiệu lực kể từ ngày bên kia nhận được hoặc theo ngày hiệu lực nêu trong thông báo, tùy theo ngày nào đến muộn hơn.</p>
<p><b>6. Bảo đảm thực hiện hợp đồng</b></p>	<p>6.1. Bảo đảm thực hiện hợp đồng phải được nộp lên Đơn vị mua sắm/Bên mời thầu không muộn hơn ngày quy định tại <b>ĐKCT</b>. Bảo đảm thực hiện hợp đồng được áp dụng theo hình thức, giá trị và hiệu lực quy định tại <b>ĐKCT</b>.</p> <p>6.2. Thời hạn hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại <b>ĐKCT</b>.</p>
<p><b>7. Nhà thầu phụ</b></p>	<p>7.1. Nhà thầu được ký kết hợp đồng với các Nhà thầu phụ trong danh sách các Nhà thầu phụ quy định tại <b>ĐKCT</b> để thực hiện một phần công việc nêu trong HSDX. Việc sử dụng Nhà thầu phụ sẽ không làm thay đổi các nghĩa vụ của Nhà thầu. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm trước Đơn vị mua sắm về khối lượng, chất lượng, tiến độ và các nghĩa vụ khác đối với phần việc do Nhà thầu phụ thực hiện.</p> <p>Việc thay thế, bổ sung Nhà thầu phụ ngoài danh sách các Nhà</p>

	<p>thầu phụ đã được nêu tại Mục này chỉ được thực hiện khi có lý do xác đáng, hợp lý và được Đơn vị mua sắm chấp thuận.</p> <p>7.2. Nhà thầu không được sử dụng Nhà thầu phụ cho các công việc khác ngoài công việc kê khai sử dụng Nhà thầu phụ nêu trong HSDX.</p> <p>7.3. Yêu cầu khác về Nhà thầu phụ quy định tại <b>ĐKCT</b>.</p>
<b>8. Giải quyết tranh chấp</b>	<p>8.1. Đơn vị mua sắm/Bên mời thầu và Nhà thầu có trách nhiệm giải quyết các tranh chấp phát sinh giữa hai bên thông qua thương lượng, hòa giải.</p> <p>8.2. Nếu tranh chấp không thể giải quyết được bằng thương lượng, hòa giải trong thời gian quy định tại <b>ĐKCT</b> kể từ ngày phát sinh tranh chấp thì bất kỳ bên nào cũng đều có thể yêu cầu đưa việc tranh chấp ra giải quyết theo cơ chế được quy định tại <b>ĐKCT</b>.</p>
<b>9. Phạm vi cung cấp</b>	<p>Hàng hóa và các dịch vụ liên quan phải được cung cấp theo quy định tại Chương IV – Phạm vi cung cấp và được đính kèm thành Phụ lục bảng giá hợp đồng và là một bộ phận không tách rời của hợp đồng này, bao gồm các loại hàng hóa, dịch vụ mà Nhà thầu phải cung cấp cùng với đơn giá của các loại hàng hóa, dịch vụ đó.</p>
<b>10. Tiến độ cung cấp hàng hoá, lịch hoàn thành các dịch vụ liên quan (nếu có) và tài liệu chứng từ</b>	<p>Tiến độ cung cấp hàng hoá và lịch hoàn thành các dịch vụ liên quan (nếu có) phải được thực hiện theo quy định tại Mục 1 Chương IV – Phạm vi cung cấp. Nhà thầu phải cung cấp các hoá đơn và/hoặc các chứng từ tài liệu khác theo quy định tại <b>ĐKCT</b>.</p>
<b>11. Trách nhiệm của Nhà thầu</b>	<p>Nhà thầu phải cung cấp toàn bộ Hàng hóa và các Dịch vụ liên quan (nếu có) trong Phạm vi cung cấp quy định tại Mục 9 ĐKC và theo tiến độ cung cấp hàng hoá, lịch hoàn thành các dịch vụ liên quan quy định tại Mục 10 ĐKC.</p>
<b>12. Loại hợp đồng và giá hợp đồng</b>	<p>12.1. Loại hợp đồng theo quy định tại <b>ĐKCT</b>.</p> <p>12.2. Giá hợp đồng quy định tại <b>ĐKCT</b> là toàn bộ chi phí để thực hiện hoàn thành việc cung cấp hàng hoá và dịch vụ liên quan của gói thầu nêu trong Bảng giá hợp đồng trên cơ sở bảo đảm tiến độ, chất lượng theo đúng yêu cầu của gói thầu. Giá</p>

	<p>hợp đồng đã bao gồm toàn bộ các chi phí về thuế, phí, lệ phí (nếu có).</p> <p>12.3. Bảng giá hợp đồng quy định tại Phụ lục bảng giá hợp đồng là một bộ phận không tách rời của hợp đồng này, bao gồm phạm vi cung cấp và thành tiền của các hạng mục.</p>
<b>13. Điều chỉnh giá hợp đồng và khối lượng hợp đồng</b>	Việc điều chỉnh giá hợp đồng và khối lượng hợp đồng thực hiện theo quy định tại <b>ĐKCT</b> .
<b>14. Điều chỉnh thuế</b>	Việc điều chỉnh thuế thực hiện theo quy định tại <b>ĐKCT</b> .
<b>15. Tạm ứng</b>	<p>15.1. Đơn vị mua sắm/Bên mời thầu phải cấp cho Nhà thầu khoản tiền tạm ứng theo quy định tại <b>ĐKCT</b>, sau khi Nhà thầu nộp Bảo lãnh tạm ứng tương đương với khoản tiền tạm ứng. Bảo lãnh tạm ứng phải được phát hành bởi một ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam và có hiệu lực cho đến khi hoàn trả hết khoản tiền tạm ứng; giá trị của bảo lãnh tạm ứng sẽ được giảm dần theo số tiền tạm ứng mà Nhà thầu hoàn trả. Không tính lãi đối với tiền tạm ứng.</p> <p>15.2. Nhà thầu chỉ được sử dụng tiền tạm ứng cho việc thực hiện Hợp đồng. Nhà thầu phải chứng minh rằng khoản tiền tạm ứng đã được sử dụng đúng mục đích, đúng đối tượng bằng cách nộp bản sao các hóa đơn chứng từ hoặc tài liệu liên quan cho Đơn vị mua sắm. Nhà thầu sẽ bị thu bảo lãnh tạm ứng trong trường hợp sử dụng tiền tạm ứng không đúng mục đích.</p> <p>15.3. Tiền tạm ứng phải được hoàn trả bằng cách khấu trừ một tỷ lệ nhất định trong các khoản thanh toán đến hạn cho Nhà thầu, theo bảng kê tỷ lệ phần trăm công việc đã hoàn thành làm cơ sở thanh toán.</p>
<b>16. Thanh toán</b>	<p>16.1. Việc thanh toán thực hiện theo quy định tại <b>ĐKCT</b>. Trường hợp Đơn vị mua sắm/Bên mời thầu thanh toán chậm, Nhà thầu sẽ được trả lãi trên số tiền thanh toán chậm vào lần thanh toán kế tiếp. Lãi suất thanh toán chậm được tính từ ngày mà lẽ ra phải thanh toán cho đến ngày thanh toán thực tế và mức lãi suất áp dụng là mức lãi suất hiện hành đối với các khoản vay thương mại bằng VND.</p>

	16.2. Đồng tiền thanh toán là: VND.
<b>17. Bản quyền</b>	Nhà thầu phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về mọi thiệt hại phát sinh do việc khiếu nại của bên thứ ba về việc vi phạm bản quyền sở hữu trí tuệ liên quan đến hàng hóa mà Nhà thầu đã cung cấp cho Đơn vị mua sắm.
<b>18. Sử dụng các tài liệu và thông tin liên quan đến hợp đồng</b>	<p>18.1. Nếu không có sự đồng ý trước bằng văn bản của Đơn vị mua sắm/Bên mời thầu, Nhà thầu không được tiết lộ nội dung của hợp đồng cũng như đặc tính kỹ thuật, sơ đồ, bản vẽ, kiểu dáng, mẫu mã, thông tin do Đơn vị mua sắm/Bên mời thầu hoặc đại diện của Đơn vị mua sắm/Bên mời thầu đưa ra cho bất cứ ai không phải là người có liên quan đến việc thực hiện hợp đồng. Việc Nhà thầu cung cấp các thông tin cho người có liên quan đến việc thực hiện hợp đồng được thực hiện theo chế độ bảo mật và trong phạm vi cần thiết cho việc thực hiện hợp đồng này.</p> <p>18.2. Nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Đơn vị mua sắm/Bên mời thầu, Nhà thầu không được sử dụng bất cứ thông tin hoặc tài liệu nào quy định tại Mục 18.1 ĐKC này vào mục đích khác trừ khi vì mục đích thực hiện hợp đồng.</p> <p>18.3. Các tài liệu quy định tại Mục 18.1 ĐKC thuộc quyền sở hữu của Đơn vị mua sắm/Bên mời thầu. Khi Đơn vị mua sắm/Bên mời thầu có yêu cầu, Nhà thầu phải trả lại cho Đơn vị mua sắm/Bên mời thầu các tài liệu này (bao gồm cả các bản chụp) sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ theo hợp đồng.</p>
<b>19. Thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn</b>	Hàng hóa và các dịch vụ liên quan được cung cấp theo Hợp đồng này sẽ phải tuân theo các thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn đề cập tại Mục 2 Chương IV – Phạm vi cung cấp; nếu tại Mục 2 Chương IV không đề cập đến một thông số hay tiêu chuẩn nào có thể áp dụng thì phải tuân thủ theo thông số và tiêu chuẩn tương đương hoặc cao hơn tiêu chuẩn hiện hành tại quốc gia hoặc vùng lãnh thổ mà hàng hóa có xuất xứ.
<b>20. Đóng gói hàng hoá</b>	Nhà thầu sẽ phải đóng gói hàng hóa đúng yêu cầu quy định tại ĐKCT phù hợp với từng loại phương tiện vận chuyển để chuyển hàng hóa từ nơi xuất hàng đến địa điểm giao hàng quy định. Việc đóng gói phải bảo đảm hàng hóa không bị hư hỏng do va chạm trong khi bốc dỡ vận chuyển và các tác động khác

	<p>của môi trường. Kích thước và trọng lượng của mỗi kiện hàng phải tính đến điều kiện vận chuyển như khoảng cách, phương tiện vận chuyển, điều kiện cơ sở hạ tầng... từ nơi xuất hàng đến địa điểm giao hàng quy định.</p>
<b>21. Bảo hiểm</b>	<p>Hàng hóa cung cấp theo hợp đồng phải được bảo hiểm đầy đủ để bù đắp những mất mát, tổn thất bất thường trong quá trình sản xuất, vận chuyển, lưu kho và giao hàng theo những nội dung được quy định tại <b>ĐKCT</b>.</p>
<b>22. Vận chuyển và các dịch vụ phát sinh</b>	<p>Yêu cầu về vận chuyển hàng hóa và các yêu cầu khác được quy định tại <b>ĐKCT</b>.</p>
<b>23. Kiểm tra và thử nghiệm hàng hóa</b>	<p>23.1. Đơn vị mua sắm/Bên mời thầu hoặc đại diện của Đơn vị mua sắm/Bên mời thầu có quyền kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa được cung cấp để khẳng định hàng hóa đó có đặc tính kỹ thuật phù hợp với yêu cầu của hợp đồng. Nội dung, địa điểm và cách thức tiến hành kiểm tra, thử nghiệm được quy định tại <b>ĐKCT</b>.</p> <p>23.2. Bất kỳ hàng hóa nào qua kiểm tra, thử nghiệm mà không phù hợp với đặc tính kỹ thuật theo hợp đồng thì Đơn vị mua sắm/Bên mời thầu có quyền từ chối và Nhà thầu phải có trách nhiệm thay thế bằng hàng hóa khác hoặc tiến hành những điều chỉnh cần thiết để đáp ứng đúng các yêu cầu về đặc tính kỹ thuật. Trường hợp Nhà thầu không có khả năng thay thế hay điều chỉnh các hàng hóa không phù hợp, Đơn vị mua sắm/Bên mời thầu có quyền tổ chức việc thay thế hay điều chỉnh đó nếu thấy cần thiết, mọi rủi ro và chi phí liên quan do Nhà thầu chịu.</p> <p>23.3. Khi thực hiện các nội dung quy định tại Mục 23.1 và Mục 23.2 ĐKC, Nhà thầu không được miễn trừ nghĩa vụ bảo hành hay các nghĩa vụ khác theo hợp đồng.</p>
<b>24. Bồi thường thiệt hại do vi phạm hợp đồng</b>	<p>Trừ trường hợp bất khả kháng theo quy định tại Mục 26 ĐKC, nếu Nhà thầu không thực hiện một phần hay toàn bộ nội dung công việc theo hợp đồng trong thời hạn đã nêu trong hợp đồng thì Đơn vị mua sắm/Bên mời thầu có thể khấu trừ vào giá hợp đồng một khoản tiền bồi thường tương ứng với % giá trị công việc chậm thực hiện như quy định tại <b>ĐKCT</b> tính cho mỗi tuần</p>

	<p>chậm thực hiện hoặc khoảng thời gian khác như thỏa thuận cho đến khi nội dung công việc đó được thực hiện. Đơn vị mua sắm/Bên mời thầu sẽ khấu trừ đến % tối đa như quy định tại <b>ĐKCT</b>. Khi đạt đến mức tối đa, Đơn vị mua sắm/Bên mời thầu có thể xem xét chấm dứt hợp đồng theo quy định tại Mục 29 ĐKC.</p>
<p><b>25. Bảo hành</b></p>	<p>25.1. Nhà thầu bảo đảm rằng hàng hóa được cung cấp theo hợp đồng là mới, chưa sử dụng, bảo đảm chất lượng theo tiêu chuẩn chế tạo, trừ khi có quy định khác nêu tại <b>ĐKCT</b>. Ngoài ra, Nhà thầu cũng phải bảo đảm rằng hàng hóa được cung cấp theo hợp đồng sẽ không có các khuyết tật nảy sinh có thể dẫn đến những bất lợi trong quá trình sử dụng bình thường của hàng hóa.</p> <p>25.2. Yêu cầu về bảo hành đối với hàng hóa quy định tại <b>ĐKCT</b>.</p>
<p><b>26. Bất khả kháng</b></p>	<p>26.1. Trong hợp đồng này, bất khả kháng được hiểu là những sự kiện nằm ngoài tầm kiểm soát và khả năng lường trước của các bên, chẳng hạn như: chiến tranh, bạo loạn, đình công, hỏa hoạn, thiên tai, lũ lụt, dịch bệnh, cách ly do kiểm dịch.</p> <p>26.2. Khi xảy ra trường hợp bất khả kháng, bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng phải kịp thời thông báo bằng văn bản cho bên kia về sự kiện đó và nguyên nhân gây ra sự kiện. Đồng thời, chuyển cho bên kia giấy xác nhận về sự kiện bất khả kháng đó được cấp bởi một tổ chức có thẩm quyền tại nơi xảy ra sự kiện bất khả kháng.</p> <p>Trong khoảng thời gian không thể thực hiện hợp đồng do điều kiện bất khả kháng, Nhà thầu theo hướng dẫn của Đơn vị mua sắm/Bên mời thầu vẫn phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ hợp đồng của mình theo hoàn cảnh thực tế cho phép và phải tìm mọi biện pháp hợp lý để thực hiện các phần việc không bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng. Trong trường hợp này, Đơn vị mua sắm/Bên mời thầu phải xem xét để bồi hoàn cho Nhà thầu các khoản phụ phí cần thiết và hợp lý mà họ phải gánh chịu.</p> <p>26.3. Một bên không hoàn thành nhiệm vụ của mình do trường hợp bất khả kháng sẽ không phải bồi thường thiệt hại, bị phạt hoặc bị chấm dứt hợp đồng.</p>

	<p>Trường hợp phát sinh tranh chấp giữa các bên do sự kiện bất khả kháng xảy ra hoặc kéo dài thì tranh chấp sẽ được giải quyết theo quy định tại Mục 8 ĐKC.</p>
<p><b>27. Hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng</b></p>	<p>27.1. Việc hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng có thể được thực hiện trong các trường hợp sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>a) Thay đổi bản vẽ, thiết kế công nghệ hoặc yêu cầu kỹ thuật đối với trường hợp hàng hóa cung cấp theo hợp đồng mang tính đặc chủng được đặt hàng sản xuất cho riêng Đơn vị mua sắm/Bên mời thầu;</li> <li>b) Bổ sung hạng mục công việc, hàng hóa hoặc dịch vụ cần thiết ngoài phạm vi công việc quy định trong hợp đồng;</li> <li>c) Thay đổi phương thức vận chuyển hoặc đóng gói;</li> <li>d) Thay đổi địa điểm giao hàng;</li> <li>đ) Thay đổi thời gian thực hiện hợp đồng;</li> <li>e) Các nội dung khác quy định tại <b>ĐKCT</b>.</li> </ul> <p>27.2. Đơn vị mua sắm/Bên mời thầu và Nhà thầu sẽ tiến hành thương thảo để làm cơ sở ký kết phụ lục bổ sung hợp đồng trong trường hợp hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng.</p>
<p><b>28. Điều chỉnh tiến độ thực hiện hợp đồng</b></p>	<p>Tiến độ thực hiện hợp đồng chỉ được điều chỉnh trong trường hợp sau đây:</p> <p>28.1. Trường hợp bất khả kháng, không liên quan đến vi phạm hoặc sơ suất của các bên tham gia hợp đồng;</p> <p>28.2. Thay đổi phạm vi cung cấp, biện pháp cung cấp do yêu cầu khách quan làm ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện hợp đồng;</p> <p>28.3. Trường hợp điều chỉnh tiến độ thực hiện hợp đồng mà không làm kéo dài tiến độ hoàn thành dự án thì các bên tham gia hợp đồng thỏa thuận, thống nhất việc điều chỉnh. Trường hợp điều chỉnh tiến độ thực hiện hợp đồng làm kéo dài tiến độ hoàn thành dự án thì phải báo cáo người có thẩm quyền xem xét, quyết định.</p> <p>28.4. Các trường hợp khác quy định tại <b>ĐKCT</b>.</p>
<p><b>29. Chấm dứt hợp đồng</b></p>	<p>29.1. Đơn vị mua sắm/Bên mời thầu hoặc Nhà thầu có thể chấm dứt hợp đồng nếu một trong hai bên có vi phạm cơ bản về hợp đồng như sau:</p>

a) Nhà thầu không thực hiện một phần hoặc toàn bộ nội dung công việc theo hợp đồng trong thời hạn đã nêu trong hợp đồng hoặc trong khoảng thời gian đã được Đơn vị mua sắm/Bên mời thầu gia hạn;

b) Đơn vị mua sắm/Bên mời thầu hoặc Nhà thầu bị phá sản hoặc phải thanh lý tài sản để tái cơ cấu hoặc sáp nhập;

c) Có bằng chứng cho thấy Nhà thầu đã vi phạm một trong các hành vi bị cấm quy định hoặc thực hiện Hợp đồng;

d) Các hành vi khác quy định tại **ĐKCT**.

29.2. Trong trường hợp Đơn vị mua sắm/Bên mời thầu chấm dứt việc thực hiện một phần hay toàn bộ hợp đồng theo điểm a Mục 29.1 ĐKC thì Nhà thầu sẽ chịu trách nhiệm bồi thường cho Đơn vị mua sắm/Bên mời thầu những chi phí vượt trội cho việc thực hiện phần hợp đồng bị chấm dứt này. Tuy nhiên, Nhà thầu vẫn phải tiếp tục thực hiện phần hợp đồng không bị chấm dứt và chịu trách nhiệm bảo hành phần hợp đồng do mình thực hiện.

29.3. Trong trường hợp Đơn vị mua sắm/Bên mời thầu chấm dứt hợp đồng theo quy định tại điểm b Mục 29.1 ĐKC, Đơn vị mua sắm/Bên mời thầu không phải chịu bất cứ chi phí đền bù nào. Việc chấm dứt hợp đồng này không làm mất đi quyền lợi của Đơn vị mua sắm/Bên mời thầu được hưởng theo quy định của hợp đồng và pháp luật.

## Chương VI. ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG

Trừ khi có quy định khác, toàn bộ **ĐKCT** phải được Bên mời thầu ghi đầy đủ trước khi phát hành HSYC.

<b>ĐKC 1.1</b>	Đơn vị mua sắm là: Công ty cổ phần 397
<b>ĐKC 1.3</b>	Nhà thầu: ___[ghi tên Nhà thầu trúng thầu].
<b>ĐKC 1.11</b>	Địa điểm Dự án/Điểm giao hàng cuối cùng là: Tại kho vật tư - Công ty cổ phần 397 - khu Nam Tràng Bạch, phường Hoàng Quế, tỉnh Quảng Ninh.
<b>ĐKC 2.7</b>	Các tài liệu sau đây cũng là một phần của Hợp đồng: <ul style="list-style-type: none"><li>- Hồ sơ ĐX; Hồ sơ YC;</li><li>- Quyết định phê duyệt KQLCNT;</li><li>- Phụ lục hợp đồng gồm danh mục chi tiết và phạm vi công việc, biểu giá (Nếu có);</li><li>- ĐKCT của hợp đồng;</li><li>- ĐKC của hợp đồng;</li><li>- Các tài liệu khác có liên quan (Nếu có);</li></ul>
<b>ĐKC 4</b>	Đơn vị mua sắm không thể ủy quyền các nghĩa vụ và trách nhiệm của mình cho người khác.
<b>ĐKC 5.1</b>	Các thông báo cần gửi về Đơn vị mua sắm theo địa chỉ dưới đây: Người nhận: Phòng Cơ điện vận tải Công ty cổ phần 397. Địa chỉ: Khu Yên Lãng 1, phường Mạo Khê, tỉnh Quảng Ninh. Điện thoại: 0203 2211 329. Fax: 0203 3871 299.
<b>ĐKC 6.1</b>	<ul style="list-style-type: none"><li>- Nhà thầu phải nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng đến Đơn vị mua sắm không muộn hơn 10 ngày làm việc.</li><li>- Hình thức bảo đảm thực hiện Hợp đồng: Thư bảo lãnh do tổ chức tín dụng hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam phát hành hoặc theo hình thức đặt cọc.</li></ul>

	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng: 2% Giá hợp đồng.</li> <li>- Hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng: Bảo đảm thực hiện HĐ có hiệu lực kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực cho đến khi toàn bộ hàng hoá được bàn giao, hai bên ký biên bản nghiệm thu và Nhà thầu chuyển sang nghĩa vụ bảo hành theo quy định.</li> </ul>
<b>ĐKC 6.2</b>	Thời hạn hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng: 20 ngày sau khi Nhà thầu hoàn thành các nghĩa vụ hợp đồng, căn cứ tính chất và yêu cầu của gói thầu.
<b>ĐKC 7.1</b>	Danh sách Nhà thầu phụ: Không áp dụng.
<b>ĐKC 7.3</b>	Nêu các yêu cầu cần thiết khác về Nhà thầu phụ: Không yêu cầu
<b>ĐKC 8.2</b>	<p>Thời gian để tiến hành hòa giải: 05 ngày.</p> <p>Giải quyết tranh chấp: Nếu tranh chấp không thể giải quyết được bằng thương lượng, hòa giải trong thời gian 05 ngày kể từ ngày phát sinh tranh chấp thì các bên thống nhất đưa ra giải quyết theo trình tự tại Trung tâm trọng tài Quốc tế Việt Nam (VIAC)- Trụ sở tại Hà Nội (Tòa nhà VCCI số 9 Đào Duy Anh, Quận Đống Đa, Hà Nội) để giải quyết. Phán quyết của VIAC là quyết định cuối cùng buộc các bên phải tuân theo. Bên có lỗi chịu mọi chi phí.</p>
<b>ĐKC 10</b>	<p>Nhà thầu phải cung cấp các thông tin và chứng từ sau đây về việc vận chuyển hàng hóa:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hóa đơn GTGT theo quy định.</li> <li>- Giấy chứng nhận CO/CQ (đối với hàng nhập khẩu có bản dịch tiếng việt kèm theo), giấy chứng nhận xuất xưởng (đối với hàng Việt Nam) hoặc nhà thầu có cam kết chất lượng, xuất xứ, hàng hoá, vật tư với mặt hàng tiêu dùng dưới 5 triệu đối với hàng Việt Nam.</li> <li>- Biên bản giao nhận hàng hoá.</li> <li>- Các yêu cầu khác theo quy định HSDX.</li> </ul> <p>Đơn vị mua sắm phải nhận được các tài liệu chứng từ nói trên trước khi hàng hóa đến nơi, nếu không Nhà thầu sẽ phải chịu trách nhiệm về bất kỳ chi phí nào phát sinh do việc này.</p>
<b>ĐKC 12.1</b>	Loại hợp đồng: Trọn gói

<b>ĐKC 12.2</b>	Giá hợp đồng: Cố định
<b>ĐKC 13</b>	Điều chỉnh giá hợp đồng và khối lượng hợp đồng: - Đối với loại hợp đồng trọn gói: Không áp dụng. - Đối với loại hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh: Không áp dụng.
<b>ĐKC 14</b>	Điều chỉnh thuế: Được phép. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, trường hợp tại thời điểm thanh toán nếu chính sách về thuế có sự thay đổi (tăng hoặc giảm) và trong hợp đồng có quy định được điều chỉnh thuế, đồng thời nhà thầu xuất trình được các tài liệu xác định rõ số thuế phát sinh thì khoản chênh lệch của chính sách về thuế sẽ được điều chỉnh theo quy định trong hợp đồng.
<b>ĐKC 15.1</b>	Tạm ứng: Không áp dụng
<b>ĐKC 16.1</b>	Phương thức thanh toán: Trong vòng 60 ngày kể từ ngày bàn giao xong hàng hóa và bên Nhà thầu xuất hóa đơn tài chính theo quy định. Nhà thầu cung cấp đủ cho Bên mua các loại giấy tờ sau thì Bên mua sẽ thanh toán cho Nhà thầu 100% giá trị hàng hóa đã cung cấp. + Hồ sơ thanh toán: 01 bộ bản gốc các chứng từ bao gồm: - Giấy chứng nhận CO/CQ (đối với hàng nhập khẩu có bản dịch tiếng việt kèm theo), giấy chứng nhận xuất xưởng (đối với hàng Việt Nam) hoặc nhà thầu có cam kết chất lượng, xuất xứ, hàng hoá, vật tư với mặt hàng tiêu dùng dưới 5 triệu đối với hàng Việt Nam. - Biên bản giao nhận hàng hoá. - Hóa đơn giá trị gia tăng theo quy định, có giá trị tương ứng với giá trị khối lượng Bên B hoàn thành được xác nhận ( <i>Hóa đơn tương ứng với giá trị khối lượng nhà thầu thực hiện</i> ).
<b>ĐKC 20</b>	Đóng gói hàng hóa: Ghi chú đối với hàng hóa, các giấy tờ bên trong và bên ngoài kiện hàng “Ghi rõ loại hàng hóa”.
<b>ĐKC 21</b>	Nội dung bảo hiểm: Hàng hóa phải được nhà thầu thực hiện bảo hiểm cho đến khi giao nhận tại kho của Chủ đầu tư.
<b>ĐKC 22</b>	- Yêu cầu về vận chuyển hàng hóa: Theo hợp đồng, Nhà thầu phải vận chuyển hàng hóa đến địa điểm giao hàng. Việc vận chuyển hàng hóa đến địa điểm giao hàng, bao gồm cả bảo hiểm theo quy định trong hợp đồng, do Nhà thầu thực hiện; các chi phí liên quan được tính trong

	<p>giá hợp đồng.</p> <p>- Các dịch vụ bao gồm: Nếu trong quá trình sửa chữa, thay thế liên quan đến yêu cầu kỹ thuật cao, phức tạp thì nhà thầu sẽ cử cán bộ kỹ thuật hỗ trợ lắp đặt hướng dẫn miễn phí cho bên mời thầu</p>
<b>ĐKC 23.1</b>	<p>Kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa: Việc kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa trước khi giao nhận cho bên mời thầu.. Trong trường hợp giao nhận hàng hóa thấy hàng hóa không phù hợp với đặc tính kỹ thuật theo như hợp đồng đã ký kết, bên mời thầu có quyền từ chối nhận hàng, nhà thầu có trách nhiệm thay thế hàng hóa khác đảm bảo theo yêu cầu về đặc tính kỹ thuật. Trường hợp nhà thầu không có khả năng thay thế hàng hóa cho phù hợp, bên mời thầu có quyền tổ chức thay thế hàng hóa cần thiết, mọi rủi ro và chi phí liên quan nhà thầu chịu. Việc thực hiện kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa của bên mời thầu không dẫn đến miễn trừ nghĩa vụ bảo hành hay nghĩa vụ khác theo hợp đồng của nhà thầu.</p>
<b>ĐKC 24</b>	<p>Tổng giá trị bồi thường thiệt hại tối đa là: 100% giá trị hợp đồng hoặc phần công việc bị vi phạm.</p>
<b>ĐKC 25.1</b>	<p>Nội dung yêu cầu bảo đảm khác đối với hàng hóa: Không áp dụng.</p>
<b>ĐKC 25.2</b>	<p>Yêu cầu về bảo hành:</p> <p>- Thời hạn bảo hành: Bảo hành 01 tháng theo tiêu chuẩn nhà sản xuất hoặc theo bảng kê bảo hành chi tiết của nhà thầu.</p> <p>Địa điểm để áp dụng bảo hành là: Tại kho vật tư - Công ty cổ phần 397 - khu Nam Tràng Bạch, phường Hoàng Quế, tỉnh Quảng Ninh.</p>
<b>ĐKC 27.1 (e)</b>	<p>Các nội dung khác về hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng: Không áp dụng.</p>
<b>ĐKC 28.4</b>	<p>Các trường hợp khác: Không áp dụng.</p>
<b>ĐKC 29.1 (d)</b>	<p>Các hành vi khác: Không áp dụng.</p>

## **Chương VII. BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG**

Chương này bao gồm các biểu mẫu mà sau khi ghi thông tin hoàn chỉnh sẽ trở thành một phần của Hợp đồng.

**HỢP ĐỒNG <sup>(1)</sup>**

\_\_\_\_\_, ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_

Hợp đồng số: \_\_\_\_\_

Gói thầu: \_\_\_\_\_ [ghi tên gói thầu]

Thuộc : \_\_\_\_\_ [ghi tên kế hoạch mua sắm]

- Căn cứ<sup>2</sup> \_\_\_\_\_ [Bộ Luật dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015 của Quốc hội];

- Căn cứ Quy định Lựa chọn Nhà thầu cung cấp hàng hóa, dịch vụ tư vấn, dịch vụ phi tư vấn để bảo đảm tính liên tục cho hoạt động sản xuất, kinh doanh và mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên sử dụng nguồn vốn sản xuất kinh doanh của Công ty cổ phần 397

- Căn cứ \_\_\_\_ [căn cứ tính chất, yêu cầu của các gói thầu mà quy định các căn cứ pháp lý cho phù hợp];

- Căn cứ Quyết định số \_\_\_\_ ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_ của \_\_\_\_ về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu \_\_\_\_ [Ghi tên gói thầu] và thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu số \_\_\_\_ ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_ của Bên mời thầu;

- Căn cứ biên bản thương thảo, hoàn thiện hợp đồng đã được Bên mời thầu và Nhà thầu trúng thầu ký ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_;

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký hợp đồng, gồm có:

**Đơn vị mua sắm (sau đây gọi là Bên A)**

Tên Đơn vị mua sắm [ghi tên Đơn vị mua sắm]: \_\_\_\_\_

Địa chỉ: \_\_\_\_\_

Điện thoại: \_\_\_\_\_

Fax: \_\_\_\_\_

E-mail: \_\_\_\_\_

Tài khoản: \_\_\_\_\_

Mã số thuế: \_\_\_\_\_

<sup>(1)</sup> Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu, nội dung hợp đồng theo mẫu này có thể sửa đổi, bổ sung cho phù hợp, đặc biệt là đối với các nội dung khi thương thảo có sự khác biệt so với ĐKCT.

<sup>(2)</sup> Cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật theo quy định hiện hành.

Đại diện là ông/bà: \_\_\_\_\_

Chức vụ: \_\_\_\_\_

Giấy ủy quyền ký hợp đồng số \_\_\_\_ ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_ (trường hợp được ủy quyền).

**Nhà thầu (sau đây gọi là Bên B)**

Tên Nhà thầu [ghi tên Nhà thầu trúng thầu]: \_\_\_\_\_

Địa chỉ: \_\_\_\_\_

Điện thoại: \_\_\_\_\_

Fax: \_\_\_\_\_

E-mail: \_\_\_\_\_

Tài khoản: \_\_\_\_\_

Mã số thuế: \_\_\_\_\_

Đại diện là ông/bà: \_\_\_\_\_

Chức vụ: \_\_\_\_\_

Giấy ủy quyền ký hợp đồng số \_\_\_\_ ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_ (trường hợp được ủy quyền).

Hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng cung cấp hàng hóa và dịch vụ liên quan với các nội dung sau:

**Điều 1. Đối tượng hợp đồng**

Bên A giao cho Bên B thực hiện việc cung cấp hàng hóa và dịch vụ liên quan theo danh mục được nêu chi tiết tại Phụ lục kèm theo.

**Điều 2. Thành phần hợp đồng**

Thành phần hợp đồng và thứ tự ưu tiên pháp lý như sau:

1. Văn bản hợp đồng (kèm theo Phạm vi cung cấp và bảng giá cùng các Phụ lục khác);
2. Biên bản thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;
3. Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu;
4. Điều kiện cụ thể của hợp đồng;
5. Điều kiện chung của hợp đồng;
6. Hồ sơ đề xuất và các tài liệu làm rõ hồ sơ đề xuất của Nhà thầu (nếu có);
7. Hồ sơ yêu cầu và các tài liệu sửa đổi, làm rõ hồ sơ yêu cầu (nếu có);
8. Các tài liệu kèm theo khác (nếu có).

**Điều 3. Trách nhiệm của Bên A**

Bên A cam kết thanh toán cho Bên B theo giá hợp đồng quy định tại Điều 5 của hợp đồng này theo phương thức được quy định tại điều kiện cụ thể của hợp đồng cũng

như thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và trách nhiệm khác được quy định tại điều kiện chung và điều kiện cụ thể của hợp đồng.

**Điều 4. Trách nhiệm của Bên B**

Bên B cam kết cung cấp cho Bên A đầy đủ các loại hàng hóa như quy định tại Điều 1 của hợp đồng này, đồng thời cam kết thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ và trách nhiệm được nêu trong điều kiện chung và điều kiện cụ thể của hợp đồng.

**Điều 5. Giá hợp đồng và phương thức thanh toán**

1. Giá hợp đồng: \_\_\_\_ [*ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền ký hợp đồng*].
2. Phương thức thanh toán: Thanh toán theo phương thức quy định tại Mục 16.1

**ĐKCT.**

**Điều 6. Loại hợp đồng:** \_\_\_\_ [*ghi loại hợp đồng phù hợp với quy định tại Mục 12.1 ĐKCT*].

**Điều 7. Thời gian thực hiện hợp đồng:** \_\_\_\_ [*ghi thời gian thực hiện hợp đồng phù hợp với quy định tại Mục 1 Chương I – Chỉ dẫn nhà thầu, HSDX và kết quả thương thảo, hoàn thiện hợp đồng giữa hai bên*].

**Điều 8. Hiệu lực hợp đồng**

1. Hợp đồng có hiệu lực kể từ \_\_\_\_ [*ghi cụ thể ngày có hiệu lực của hợp đồng*].
2. Hợp đồng hết hiệu lực sau khi hai bên tiến hành thanh lý hợp đồng theo luật định.

Hợp đồng được lập thành \_\_ bộ, Đơn vị mua sắm giữ \_\_ bộ, Nhà thầu giữ \_\_ bộ, các bộ hợp đồng có giá trị pháp lý như nhau.

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA  
NHÀ THẦU**

[*ghi tên, chức danh, ký tên và  
đóng dấu*]

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA  
ĐƠN VỊ MUA SẮM**

[*ghi tên, chức danh, ký tên và  
đóng dấu*]

**PHỤ LỤC**  
**BẢNG GIÁ HỢP ĐỒNG**

(Kèm theo hợp đồng số \_\_\_\_\_, ngày \_\_\_\_\_ tháng \_\_\_\_\_ năm \_\_\_\_\_)